

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
****oOo****



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Kế toán

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kế toán

Mã ngành đào tạo: 7.34.03.01

Thanh Hóa - năm 2017

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Chương trình đào tạo:	Kế toán
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã ngành:	734.03.01

*(Ban hành theo Quyết định số 1945 ngày 27/10/2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kế toán có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên môn hoàn chỉnh; có năng lực thực hành và vận dụng hiệu quả các vấn đề lý thuyết vào thực tiễn công tác chuyên môn; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chủ động giải quyết được các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo công việc kế toán, nghiên cứu khoa học để cải tiến các phương thức và kỹ thuật trong công tác kế toán, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các đơn vị kế toán; có trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) bậc 3/6 và tin học đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học và đơn vị tuyển dụng. Có khả năng học tập để nâng cao trình độ sau đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ pháp luật, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, người học sau khi tốt nghiệp sẽ có kiến thức chung về lĩnh vực kinh tế và kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kế toán trong các loại hình doanh nghiệp, tổ chức công tác kế toán, tư vấn cho nhà quản trị trong việc ra quyết định, thực hiện công tác kiểm tra kế toán để giải quyết các vấn đề về:

Thực hiện các nghiệp vụ kế toán vốn bằng tiền và đầu tư ngắn hạn; các khoản phải thu và ứng trước, kế toán vật tư, kế toán tài sản cố định và đầu tư dài hạn.

Tính lương, lập bảng thanh toán tiền lương và thực hiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

Lập bảng tính giá thành và thực hiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối nhuận của đơn vị, thực hiện các nghiệp vụ kế toán cuối kỳ.

Lập báo cáo tài chính trong các đơn vị.

Định giá bán sản phẩm, kế toán quản trị chi phí, giá thành.

Phân tích mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận

Phân tích thông tin cho việc ra quyết định.

Phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ và lập báo cáo bộ phận trong một đơn vị cụ thể.

Xây dựng định mức, dự toán

Tổ chức bộ máy kế toán trong đơn vị

Tổ chức tạo lập thông tin kế toán trong đơn vị

Tổ chức ghi nhận, xử lý thông tin, tổ chức cung cấp thông tin cho đơn vị

Tổ chức kiểm tra kế toán trong đơn vị cụ thể.

Lập kế hoạch kiểm toán

Xây dựng trình tự kiểm toán, xác định điểm trọng yếu, rủi ro, phát hiện gian lận sai sót thường gặp.

Xây dựng và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và lập được báo cáo kiểm toán phù hợp cho từng đơn vị kế toán cụ thể.

Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh như: Phân tích chi phí sản xuất, phân tích giá thành sản phẩm, phân tích lợi nhuận, phân tích kết quả sản xuất trong đơn vị cụ thể.

1.2.2. Kỹ năng

Về kỹ năng cứng

Thực hiện được các hoạt động lập, phân loại, kiểm tra, hoàn thiện và lưu trữ chứng từ gốc phục vụ cho công tác hạch toán kế toán các phần hành kế toán cơ bản tại các doanh nghiệp, tổ chức.

Tổ chức và thực hiện được các hoạt động luân chuyển chứng từ tương ứng với từng phần hành kế toán theo từng hình thức kế toán.

Thực hiện, áp dụng đúng các phương pháp kế toán cơ bản như phương pháp quy đổi tỷ giá, các phương pháp tính giá hàng tồn kho, xác định nguyên giá, mức khấu hao của tài sản cố định, phương pháp trích lập các khoản dự phòng, phương pháp tập hợp chi phí- tính giá thành sản phẩm, phương pháp xác định kết quả kinh doanh... tính toán đúng các chỉ tiêu.

Phân loại, lựa chọn, thiết kế và sử dụng được các sổ kế toán (bao gồm cả sổ kế toán chi tiết và tổng hợp) phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu sử dụng thông tin của các nhà quản lý doanh nghiệp và các bên liên quan.

Thiết kế và lập được các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị. Đảm bảo cho các số liệu được trình bày trên báo cáo là trung thực, hợp lý với tình hình thực tế tại doanh nghiệp, các thông tin được cung cấp phù hợp với nhu cầu của người sử dụng.

Phân tích được các thông tin trên các báo cáo kế toán và đưa ra được các ý kiến tư vấn, đánh giá phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động của doanh nghiệp.

Xây dựng và thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học về chuyên ngành kế toán.

Khai thác, sử dụng được các phòng thực hành kế toán trong việc nâng cao kỹ năng thu nhận, xử lý, luân chuyển chứng từ gốc phục vụ cho công tác hạch toán và lập các báo cáo kế toán cần thiết. Sử dụng thành thạo một phần mềm kế toán trong việc cập nhật, xử lý thông tin và kết xuất các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.

Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong các hoạt động chuyên môn ngành Kinh tế nói chung và ngành Kế toán nói riêng.

Sử dụng thành thạo máy tính trong việc soạn thảo văn bản, khai thác, cập nhật, lưu trữ thông tin, xử lý số liệu kế toán và trình bày các báo cáo theo yêu cầu của các bên liên quan.

Về kỹ năng mềm:

Chương trình đào tạo hướng đến việc trang bị cho sinh viên các kỹ năng tác nghiệp để hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao. Cụ thể sinh viên được trang bị những kỹ năng sau:

Kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải.

Kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề kinh tế tài chính ở tầm vĩ mô và vi mô.

Kỹ năng làm việc hợp tác theo nhóm và kỹ năng làm việc độc lập để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu để rút ra thông tin cần thiết phục vụ cho việc ra quyết định.

Kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác.

Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.

Tổ chức làm việc theo nhóm, quản lý nhóm và nghiên cứu khoa học.

Kỹ năng tự chịu trách nhiệm với công việc được giao và giải quyết vấn đề.

Kỹ năng giao tiếp ứng xử và tạo lập quan hệ đồng nghiệp, khách hàng.

1.2.3. Thái độ

Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi hạch toán các nghiệp vụ kinh tế - tài chính.

Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh

Có thái độ cởi mở, thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc.

Có tinh thần hợp tác làm việc nhóm, tập thể.

Có tinh thần học hỏi, trách nhiệm cao trong công việc.

1.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Chủ động trong việc thực hiện các công việc của một kế toán viên, có khả năng đề xuất xây dựng bộ máy kế toán, thực hiện vai trò lãnh đạo của kế toán trưởng trong đơn vị và chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thực hiện.

Có ý thức trách nhiệm, trung thực và chịu trách nhiệm cá nhân trong công việc.

Có năng lực định hướng, phát huy được trí tuệ tập thể, năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định của mình trong các hoạt chuyên môn về công tác kế toán.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm (48 tháng)

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 120 TC (không tính nội dung Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất)

4. Đối tượng tuyển sinh: Tuyển sinh theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo.

6. Kiểm tra, đánh giá và thang điểm: theo Quy chế đào tạo và quy định hiện hành.

7. Cấu trúc kiến thức của chương trình

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương	40 TC
7.1.1. Lý luận chính trị	12 TC
7.1.2. Khoa học xã hội	08 TC
- Bắt buộc	04 TC
- Tự chọn	04 TC
7.1.3. Ngoại ngữ:	10 TC
7.1.4. Toán, Tin học, Khoa học tự nhiên.	10 TC
7.1.5. Giáo dục thể chất	4 TC
7.1.6. Giáo dục quốc phòng	165 tiết
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	80 TC
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành	19 TC
7.2.2. Kiến thức của ngành	44 TC
7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành	28 TC
7.2.2.2 Kiến thức chuyên sâu của ngành	16 TC
- Bắt buộc	07 TC
- Tự chọn	09 TC
7.2.3. Kiến thức bổ trợ tự do	06 TC
- Tự chọn	06 TC
7.2.4. Thực tập nghề nghiệp	05 TC
7.2.5. Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế khóa luận TN	06 TC

8. Kế hoạch dạy học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ TC				Điều kiện tiên quyết	Học kì	Bộ môn quản lý
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương		40							
I	Lý luận chính trị		12							
1	196045	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	21	18	-	90	-	1	Ng.lý
2	196046	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	32	26	-	135	1	2	Ng.lý
3	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	-	90	1	3	TT-PL
4	198025	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	32	26	-	135	1	4	Đ.lối
5	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90	1	3	TT – PL
II	Khoa học xã hội		08							
6	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	18	6	90	-	1	VN học-du lịch
7	156012	Phương pháp nghiên cứu KH KT-QTKD	2	18	24	-	90	-	2	TK-Toán KT
8	Chọn 1 trong 3 học phần									
A	121005	Môi trường và con người	2	18	24	-	90	-	1	Địa lý tự nhiên-Môi trường
B	196025	Logic học đại cương	2	18	12	12	90	-	1	Ng.lý
C	181002	Tâm lý học quản lý kinh doanh	2	18	20	4	90	-	1	TLGD
9	Chọn 1 trong 3 học phần									
A	125225	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	18	24	-	90	-	1	Địa lý
B	151075	Lịch sử kinh tế quốc dân	2	18	24	-	90	2	1	Kté
C	196030	Lịch sử các học thuyết KT	2	18	24	-	90	-	1	Ng.lý
III	Ngoại ngữ		10							
10	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180	-	1	NN. Kchuyên
11	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	10	2	NN. Kchuyên
12	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	11	3	NN. Kchuyên
IV	Toán – Tin học - Khoa học tự nhiên		10							
13	114025	Toán cao cấp	2	18	24	-	90	-	1	Toán UD
14	173080	Tin học	2	10	-	40	90	-	1	Tin học
15	114005	Xác suất và TK Toán học	3	27	36	-	135	13	2	Toán UD
16	151090	Lý thuyết MH toán kinh tế	3	27	36	-	135	13,18,19	5	TK- Toán KT
V	Giáo dục thể chất		4							
	Giáo dục thể chất 1 (HP bắt buộc)		2	10	0	40		-	1	Lý luận và PP GD GDTC
	Giáo dục thể chất 2		2	0	0	60		Giáo dục thể	2	

	Chọn 1 trong 5 học phần sau:						chất 1		
A	Bóng chuyền		2	0	0	60		2	Điền kinh TD
B	Thể dục AEROBIC		2	0	0	60		2	Điền kinh TD
C	Bóng đá		2	0	0	60		2	Bóng
D	Bóng rổ		2	0	0	60		2	Bóng
E	Vovinam – Việt võ đạo		2	0	0	60		2	Bóng
VI	Giáo dục quốc phòng an ninh		165t				-		TT.GDQP
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		80						
I	Kiến thức cơ sở khối ngành		18						
17	197010	Luật kinh tế	2	18	24	-	135	5	4 TT-PL
18	151050	Kinh tế vi mô	3	27	36	-	135	2,13	2 Kinh tế
19	151061	Kinh tế vĩ mô	3	27	36	-	135	2	3 Kinh tế
20	152140	Tài chính - Tiền tệ	3	27	36	-	135	18,19	3 TCNH
21	152048	Nguyên lý thống kê	2	18	18	6	90	2,15	5 TCNH
22	154025	Marketing căn bản	2	18	18	06	135	18	4 QTKD
23	153105	Nguyên lý kế toán	3	27	27	9	135	2	2 KTQT
II	Kiến thức chung của ngành		29						
24	153085	Kế toán tài chính 1	4	36	36	12	180	23	3 KTTC
25	153084	Kế toán quản trị 1	3	27	27	9	135	23	4 KTQT
26	153091	Kế toán tài chính 2	3	27	27	9	135	24	4 KTTC
27	153086	Kế toán quản trị 2	2	18	18	6	90	25	5 KTQT
28	153055	Kế toán máy	2	10	-	50	135	26	6 KTTC
29	153135	Tổ chức công tác kế toán	3	27	27	9	135	26	6 KTQT
30	153025	Kiểm toán căn bản	3	27	27	9	135	26	6 KTTC
31	152045	Quản trị tài chính DN 1	3	27	36	-	135	20	5 TCNH
32	254051	Quản trị doanh nghiệp 1	2	18	18	06	135	22	5 QTKD
33	151020	Kinh tế lượng	2	18	18	6	135	13,15,18,19	6 TK-Toán KT
34	154025	Khởi sự kinh doanh <i>nhập</i>	2	18	18	6	90	32	6 QTKD
III	Kiến thức chuyên sâu của ngành		7						
35	152030	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	27	27	9	135	26	7 KTQT
36	153020	Kiểm toán báo cáo tài chính	2	18	18	6	90	30	7 KTTC
37	153097	Kế toán tài chính NN 1	2	18	18	6	90	23	5 KTQT
	Tự chọn		9						
38	Chọn 1 trong 2 học phần								
A	153051	Kế toán thương mại dịch vụ	2	18	18	6	90	23	7 KTTC
B	153098	Kế toán tài chính 3	2	18	18	6	90	26	7 KTTC
39	Chọn 1 trong 2 học phần								
A	153048	Kế toán thuế	3	27	27	9	135	23	7 KTQT
B	153058	Kế toán tài chính Nhà nước 2	3	27	27	9	135	37	7 KTQT
40	Chọn 1 trong 3 học phần								
A	153060	Kế toán Ngân hàng	2	18	18	6	90	43a	7 TCNH
B	153087	Kế toán quốc tế	2	18	18	6	90	23	7 KTQT
C	153023	Kế toán môi trường	2	18	18	6	90	26	7 KTQT
41	Chọn 1 trong 3 học phần								

A	153067	Kiểm toán nội bộ	2	18	18	6	90	30	7	KTTC
B	153021	Kiểm toán hoạt động	2	18	18	6	90	30	7	KTTC
C	153022	Kiểm toán tuân thủ	2	18	18	6	90	30	7	KTTC
IV	Kiến thức bổ trợ tự do		6							
42	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>									
A	152055	Thuế	2	18	18	6	90	20	5	TCNH
B	152065	Thị trường chứng khoán	2	18	18	6	90	31	5	TCNH
C	152095	Tài chính công	2	18	18	6	90	20	5	TCNH
43	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>									
A	152020	Nghị vụ ngân hàng TM	2	18	18	6	90	31	6	TCNH
B	152070	Thống kê doanh nghiệp	2	18	18	6	90	15,20,21	6	TCNH
C	152000	Bảo hiểm	2	18	18	6	90	20	6	TCNH
44	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>									
A	151065	Kinh tế đầu tư	2	18	24	-	90	18,19	7	Kinh tế
B	151040	Kinh tế quốc tế	2	18	24	-	90	18,19	7	Kinh tế
C	151005	Kinh tế các ngành	2	18	24	-	90	18,19	7	Kinh tế
V	Thực tập, Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế KLTN		11							
45	153130	Thực tập tốt nghiệp	5	-	-	150	225		8	KTTC
46	153099	Khoá luận tốt nghiệp	6	-	180	-	270		8	KTQT
	<i>Học phần thay thế KLTN</i>									
47	155020	Lập và phân tích BCTC	3	27	27	9	135	23	8	KTQT 55
48	153027	Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp	3	27	27	9	135	26	8	KTTC 53
	Tổng		120							

9. Mô tả nội dung các học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin1/Principles of Marxism – Leninism 1 2 TC (21:18:0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Sự hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác – Lênin; quan điểm duy vật biện chứng về bản chất của thế giới, bản chất của nhận thức; bản chất của con người; các nguyên lý, các quy luật cơ bản của sự tồn tại, vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy.

Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được những quan điểm, những nguyên lý, những quy luật cơ bản của triết học duy vật biện chứng; hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học để giải thích đúng đắn các hiện tượng, các vấn đề đang đặt ra trong tự nhiên, xã hội và tư duy; sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân, giúp cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân hiệu quả hơn.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin2/Principles of Marxism – Leninism 2 3 TC (32:26:0)

Điều kiện tiên quyết: Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Nội dung học phần: Phần 1 gồm các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thông qua các học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Phần 2 là quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về dân chủ, văn hóa, dân tộc, tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và triển vọng của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được các phạm trù, các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản trong từng giai đoạn phát triển của nó; tính tất yếu của việc ra đời chủ nghĩa xã hội; những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để hiểu và giải thích đúng những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế hiện nay; thêm tin tưởng vào sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh's ideology

2 TC (21; 18; 0)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1.

Nội dung học phần: Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, bản chất, đặc điểm, đối tượng và ý nghĩa của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh; quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; các nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản VN; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng nâng cao tư duy lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn; biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội và các vấn đề đặt ra trong cuộc sống; biết vận dụng lý luận vào thực tiễn để rèn luyện và hoàn thiện bản thân theo phong cách Hồ Chí Minh.

9.4. Đường lối CM của Đảng cộng sản Việt Nam/Revolutionary Strategies of Vietnam Communist Party

3 TC (32;26;0)

Điều kiện tiên quyết: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1.

Nội dung học phần: Những kiến thức cơ bản về sự ra đời của ĐCSVN, về đường lối chủ trương của Đảng trong hai cuộc cách mạng, CMDTDCND và CMXHCN, đặc biệt là đường lối của ĐCSVN trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng nhận thức đầy đủ, sâu sắc quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; SV có cơ sở để vận dụng kiến thức chuyên ngành giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề do thực tiễn đặt ra; Môn học cũng bồi dưỡng niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của

Đảng, định hướng cho SV phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, góp phần vào quá trình xây dựng, phát triển nhân cách của SV đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

9.5. Pháp luật đại cương/Basic Laws

2TC (18; 12; 12)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1

Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn có những nội dung về pháp luật chuyên ngành bao gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

9.6. Cơ sở văn hoá Việt Nam/Fundamentals of Vietnamese Culture

2 TC (18;24;0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lịch sử văn hoá dân tộc Việt Nam. Nắm vững những yếu tố cấu thành bản sắc văn hoá dân tộc từ đó góp phần gìn giữ, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong xu hướng hội nhập và toàn cầu hoá hiện nay. Biết sử dụng yếu tố văn hoá trong hoạt động quản trị kinh doanh.

Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.

9.7 Phương pháp nghiên cứu khoa học Kinh tế-QTKD/Research Methods for Business students

2 TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế lượng

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế - quản trị kinh doanh. Nội dung của học phần tập trung vào các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học cụ thể như viết tiểu luận, làm bài tập lớp, làm đề tài NCKH, viết luận văn.

9.8 Chọn 1 trong 3 học phần

a. Môi trường và con người/Human and the Environment

2 TC (18 -18-6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.

Năng lực đạt được: Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.

b. Logic học đại cương / General logic

2 TC (18; 12;12)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin 1

Nội dung học phần: Đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập và ý nghĩa nghiên cứu môn học; bản chất, cấu trúc của khái niệm, phân loại khái niệm, quan hệ giữa các khái niệm và các thao tác trên khái niệm; kết cấu của tư tưởng, các đơn vị cấu thành và mối liên hệ giữa các đơn vị cấu thành tư tưởng phản ánh về đối tượng; các quy luật cơ bản của tư duy lôgic; các thao tác tư duy gồm suy luận suy diễn và suy luận quy nạp, giả thuyết, chứng minh và bác bỏ.

Năng lực đạt được: Người học có khả năng nhận diện và tránh được các lỗi lôgic thường mắc phải trong quá trình tư duy; có khả năng tư duy lôgic, diễn đạt tư tưởng dưới các hình thức ngôn ngữ rõ ràng và chính xác, lập luận chặt chẽ và sáng tạo trong học tập, nghiên cứu cũng như trong công tác.

c. Tâm lý học quản lý kinh doanh/ Psychology in business management 2 TC (18; 20; 4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Tổng quan về tâm lý học quản lý kinh doanh; đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại; đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh; vấn đề về giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh.

Năng lực đạt được: Người học có khả năng phát hiện, đánh giá đúng được đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh và giải quyết tốt được các vấn đề trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, trong tuyển mộ, tuyển chọn, sử dụng, quản lý, bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người.

9.9 Chọn 1 trong 3 học phần

a. Địa lý kinh tế Việt Nam/Vietnam's economic Geography

2TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Vị trí địa lý, lãnh thổ, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (địa hình, khoáng sản, tài nguyên khí hậu, tài nguyên nước, tài nguyên đất, tài nguyên sinh vật, tài nguyên biển); Dân cư và lao động (cộng đồng các dân tộc Việt Nam, dân số và sự thay đổi dân số, phân bố dân cư, lao động và việc làm...)

Địa lý các ngành kinh tế: Công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, ngoại thương và hợp tác đầu tư quốc tế.

Những đặc điểm kinh tế - xã hội của 08 vùng kinh tế: Đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, Đông Bắc, Tây Bắc, Bắc trung bộ, duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

Năng lực đạt được: Người học có khả năng nhận thức các vấn đề địa lý đặc trưng của vùng, miền như địa hình, khoáng sản, tài nguyên khí hậu, tài nguyên đất, nước... dân cư và lao động. Từ đó, có khả năng vận dụng kiến thức vào nghiên cứu các nội dung cụ thể.

b. Lịch sử kinh tế quốc dân/History of national Economy

2TC (18;24;0)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 2

Nội dung học phần: Lịch sử kinh tế quốc dân cung cấp kiến thức tổng hợp về quá trình hình thành và phát triển kinh tế của một số nước trên thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Môn học cũng khái quát những đặc trưng cơ bản về quá trình hình thành và phát triển kinh tế của các nước đồng thời chỉ ra những bài học kinh nghiệm và xu hướng vận động khách quan của các mô hình kinh tế các quốc gia.

Năng lực đạt được: Người học phân tích được mô hình phát triển kinh tế của các nước 1 cách tổng hợp và chính xác. Vận dụng được những bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế của các nước trên thế giới vào việc hiểu và nhận biết quá trình phát triển kinh tế thực tế của Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, từ đó rút ra được xu hướng vận động khách quan của các mô hình phát triển kinh tế.

c. Lịch sử các học thuyết kinh tế/History of Business theory

2 TC (18;24;0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Giới thiệu hoàn cảnh, điều kiện ra đời các tác phẩm tiêu biểu, nội dung các học thuyết kinh tế trọng thương, trọng nông, kinh tế chính trị tư sản cổ điển, tiểu tư sản, học thuyết Mác Lênin, các học thuyết kinh tế hiện đại. Trên cơ sở đó giúp cho người học có năng lực phê phán, kế thừa, chọn lọc, bổ sung và phát triển cho phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Năng lực đạt được: Người học phân tích được mô hình phát triển kinh tế của các nước. Vận dụng được những bài học kinh nghiệm vào việc hiểu và nhận biết quá trình phát triển kinh tế thực tế của Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau. Từ đó, rút ra được xu hướng vận động khách quan các mô hình phát triển kinh tế.

9.10. Tiếng Anh 1/ English 1

4TC (36; 24; 24)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản.

Năng lực đạt được: Sinh viên đạt năng lực Bậc 2. 2 theo KNLNNVN; Có khả năng hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp với những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày (như thông tin về gia đình, bản thân, hỏi đường, việc làm ...); có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; có khả năng tự học, xây dựng kế hoạch và làm việc nhóm; biết khai thác thông tin trên Internet để phục vụ công việc học tập.

9.11. Tiếng Anh 2/English 2

3TC (27; 18; 18)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học phải đạt điểm D trở lên của học phần tiếng Anh 1

Nội dung học phần: Ôn luyện và phát triển kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ.

Năng lực đạt được: Sinh viên đạt năng lực Bậc 3. 1 theo KNLNNVN; Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý một số tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có khả năng viết đoạn văn đơn giản với các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; khả năng tổ chức và tham gia các hoạt động nhóm; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản; khả năng xây dựng kế hoạch, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin trên Internet cho học tập.

9.12. Tiếng Anh 3/English 3

3TC (27; 18; 18)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học phải đạt điểm D trở lên của học phần tiếng Anh 2

Nội dung học phần: Củng cố và nâng cao kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cùng các kỹ năng ngôn ngữ.

Năng lực đạt được: Sinh viên đạt năng lực Bậc 3. 2 theo KNLNNVN; Có khả năng hiểu được các ý chính của một đoạn văn hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện ... Có khả năng xây dựng kế

hoạch tự học và làm việc nhóm tốt hơn; thực hiện các bài thuyết trình đơn giản rõ ràng và chuẩn mực hơn; độc lập và sáng tạo trong tư duy.

*** Giáo dục thể chất/Physical Education**

4TC

Giáo dục thể chất 1

2 TC (10; 0; 40)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Nội dung học phần:* Học phần gồm giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa môn bóng chuyền, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng rổ, Vovinam - Việt võ đạo, chạy cự ly ngắn và nhảy xa ưỡn thân; bài tập thể dục tay không 9 động tác.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục tay không 9 động tác, chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân ở các giải phong trào.....

Học phần tự chọn: Giáo dục thể chất 2

2 TC (0; 0; 60)

Chọn 1 trong 5 nội dung: Bóng chuyền, Thể dục Aerobic; Bóng đá; Bóng rổ; Vovinam

- Việt võ đạo.

a) Bóng chuyền

- *Điều kiện tiên quyết:* GDTC1

- *Nội dung học phần:* Các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay trước mặt)

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay trước mặt); tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.

b) Aerobic Dansports

- *Điều kiện tiên quyết:* GDTC1

- *Nội dung học phần:* Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên thực hành thành thạo các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc; tự rèn luyện nâng cao thể chất.

c) Bóng đá

- *Điều kiện tiên quyết:* GDTC1

- Nội dung học phần: Các bài tập chiến thuật tấn công, phòng thủ trong thi đấu Bóng đá, luật bóng đá (Sân 11 người, 7 người, 5 người). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu và trọng tài

- Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá (Đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, mu ngoài, mu chính diện, mu lai má..); Tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng đá phong trào.

d) Bóng rổ

- *Điều kiện tiên quyết:* GDTC1

- Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Các kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật dẫn bóng, chuyền bóng bằng 1 tay, 2 tay). Các kỹ thuật tại chỗ ném rổ tựa bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật móc xuôi, móc ngược trong bóng rổ.

- Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng nhanh bằng 1 tay, 2 tay; kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ tựa bằng 1 tay trên cao; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng rổ phong trào.

e) Võ Vovinam

- *Điều kiện tiên quyết:* GDTC1

- Nội dung học phần: Các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam, từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.

- Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phong trào.

*** Giáo dục quốc phòng/National Defence Education**

165 tiết (3 học phần)

Học phần 1: Đường lối quân sự của Đảng.

Điều kiện tiên quyết: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nội dung học phần: Quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng phân tích nguồn gốc, bản chất chiến tranh, tính tất yếu và mục tiêu bảo vệ Tổ quốc để nhận thức đúng quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng, an ninh, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang

nhân dân, kết hợp kinh tế xã hội với quốc phòng - an ninh; vận dụng nghệ thuật quân sự trong bảo vệ Tổ quốc.

Học phần 2: Công tác quốc phòng, an ninh.

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Phòng chống "diễn biến hòa bình"; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia; Một số nội dung về dân tộc, tôn giáo và phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo; bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng nhận thức được âm mưu, thủ đoạn và tham gia đấu tranh, phòng chống "diễn biến hòa bình"; vận dụng kiến thức tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự xã hội; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.

Học phần 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Điều lệnh đội ngũ và ba môn quân sự phối hợp; bản đồ quân sự; một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; Tùng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự, các tư thế vận động trong chiến đấu; tính năng, tác dụng và kỹ thuật bắn súng AK (CKC) với mục tiêu cố định ban ngày.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng thực hiện được các bước, động tác đội ngũ đơn vị; sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí, bản đồ địa hình; vận dụng kiến thức chiến thuật bộ binh; biết phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn; thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương; biết bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

9.13. Toán cao cấp/Advanced Mathematics

2 TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Nội dung học phần: Học phần giới thiệu khái quát về lý thuyết tập hợp, hệ thống số thực và số phức, quan hệ và suy luận logic; Các kiến thức cơ bản về ma trận, các phương pháp tính định thức và cách giải hệ phương trình tuyến tính; Phép tính vi phân và tích phân của hàm số một biến số.

Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng các kiến thức toán học vào giải quyết một số bài toán chuyên ngành thông thường

9.14. Tin học /Informatics

2TC (10; 0; 40)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về khai thác và sử dụng máy tính: tổng quan về tin học, máy tính, hệ điều hành Windows, mạng máy tính, Internet, các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.

9.15. Xác suất và thống kê toán học/Probability and Statistics

3 TC (27; 36; 0)

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

Nội dung học phần: Biến cố, xác suất của biến cố, các tính chất của xác suất, các công thức tính xác suất; Đại lượng ngẫu nhiên rời rạc và đại lượng ngẫu nhiên liên tục, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên: kỳ vọng, phương sai, trung vị, môđ, ... ; Các quy luật phân phối xác suất quan trọng: phân phối nhị thức, phân phối Poisson, phân phối mũ, phân phối chuẩn, phân phối đều, phân phối Student, ...; Vector ngẫu nhiên và các đặc trưng của vector ngẫu nhiên; Luật số lớn, xấp xỉ phân bố nhị thức bằng phân bố chuẩn và phân bố Poisson, định lý giới hạn trung tâm và mở đầu về quá trình Markov; mô hình thống kê, lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng và kiểm định, tương quan và hồi quy.

Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được các kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê để giải quyết một số vấn đề thực tiễn và xử lý các số liệu thống kê, ước lượng hoặc kiểm định thông tin thuộc các lĩnh vực như kinh tế, dân số, xã hội, kỹ thuật, ...

9.16. Lý thuyết mô hình toán kinh tế/Mathematical economic modeling 3TC (27; 36; 0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Toán cao cấp

Nội dung học phần: Quá trình mô hình hóa hiện tượng kinh tế với các kiến thức này người học có thể áp dụng để thiết lập và phân tích các mô hình kinh tế. Trên cơ sở nguồn lực có giới hạn các tác nhân luôn muốn đạt mục tiêu tối đa, với công cụ toán học phân tích các mô hình hành vi giúp đưa ra các quyết định lựa chọn tối ưu. Những phương pháp thiết lập mô hình quy hoạch tuyến tính để mô tả các vấn đề, tình huống trong quản lý kinh doanh, như bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán bố trí sản xuất và tiêu thụ, phân tích mô hình cân đối liên ngành của nền kinh tế.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng để xây dựng, phân tích và dự báo các mô hình kinh tế. Từ đó đưa ra quyết định lựa chọn tối ưu nhất cho các tác nhân của nền kinh tế.

9.17. Luật kinh tế/Economic law

2 TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

Nội dung học phần: Khái niệm, đặc điểm, cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành, quyền và nghĩa vụ của từng loại hình doanh nghiệp, HTX. Các hoạt động thương mại, các hoạt động

trung gian thương mại, hợp đồng mua bán hàng hoá trong thương mại. Việc cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Trình tự thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, HTX. Trình tự thủ tục giải quyết các tranh chấp thương mại tại trọng tài thương mại Việt Nam và toà án...

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng được trình tự thủ tục, điều kiện đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, HTX. Hiểu được trình tự thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, HTX. Trình tự thủ tục giải quyết các tranh chấp thương mại.

9.18. Kinh tế vi mô /Microeconomic

3TC (27; 36; 0)

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2

Nội dung học phần: Các kiến thức cơ bản về hành vi và cách thức ra quyết định của các tác nhân kinh tế như người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ; làm thế nào để các tác nhân đạt được các mục tiêu kinh tế của họ trong giới hạn về nguồn lực hiện có. Ngoài ra trong học phần này sinh viên cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản về hoạt động của các loại thị trường; một số thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

Năng lực đạt được: Sinh viên có thể vận dụng các nội dung đã học làm được các bài tập tình huống cụ thể về phân tích hành vi của doanh nghiệp, người tiêu dùng và chính phủ; xác định được các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ cụ thể trong thực tế.

9.19. Kinh tế vĩ mô /Macroeconomics

3 TC (27; 36; 0)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2

Nội dung học phần: Một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô: lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng để tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. Từ đó phân tích, đánh giá xu hướng phát triển của nền kinh tế và đưa ra quyết định đầu tư hiệu quả.

9.20. Tài chính tiền tệ/Monetary and Financial Theories

3TC (27; 36; 0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Nội dung học phần: Lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ; Khái quát những nội dung cơ bản các khâu trong hệ thống tài chính: tài chính công (NSNN), tài chính doanh nghiệp, các định chế tài chính trung gian, hoạt động thị trường tài chính, ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương, tài chính quốc tế.

Năng lực đạt được: Sinh viên biết vận dụng những kiến thức cơ bản trong môn học để hình thành các kỹ năng như: phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp; phân tích, xử lý các thông tin đã thu thập để đánh giá hoạt động của các khâu tài chính, trung gian tài chính, thị trường tài chính.

9.21. Nguyên lý thống kê/Principle of Statistics

2 TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin; Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Nội dung học phần: Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê, hình thức thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập.

Năng lực đạt được: Xây dựng được phương án điều tra phù hợp với nội dung, mục tiêu cần điều tra; Thu thập, sắp xếp, tóm tắt và trình bày dữ liệu thống kê một cách chuẩn xác, khoa học; Xác định rõ từng nhân tố tác động đến hiện tượng phức tạp: chi phí sản xuất, doanh thu, sản lượng, năng suất lao động...; Cung cấp dữ liệu cần thiết, làm cơ sở để có thể ra các quyết định trong kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội; Vận dụng các phương pháp thống kê trong thực tế công tác quản lý kinh tế - xã hội; Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội;

9.22. Marketing căn bản/Basic marketing

2 TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Nội dung học phần: Môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing trong doanh nghiệp; Nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; Chiến lược và các chính sách marketing căn bản, tổ chức quản trị marketing doanh nghiệp.

Năng lực đạt được: Sinh viên có thể xây dựng nhận thức, tư duy kinh tế, cách ứng xử trong môi trường kinh doanh hiện đại theo quan điểm marketing. Có khả năng tiếp cận và phân tích các hoạt động marketing đang diễn ra trên thị trường và qua đó vận dụng chiến lược và các chính sách marketing vào kinh doanh.

9.23. Nguyên lý kế toán/ Principles of Accounting

3TC (27; 27; 09)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2.

Nội dung học phần: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình tổ chức thu thập, ghi chép số liệu kế toán. Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về nguyên lý kế toán; vận dụng được các phương pháp kế toán trong công tác kế toán doanh nghiệp; Người học có thể tổ chức thu thập, hạch toán, ghi chép kế toán đối với các quá trình kinh doanh chủ yếu; Người học có khả năng lựa chọn và vận dụng hình thức tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc thù của từng doanh nghiệp.

9.24. Kế toán tài chính 1/ Financial accounting 1

4TC (36; 36; 12)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung học phần: Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; Kế toán TSCĐ và đầu tư dài hạn; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp; Thực hiện hạch toán, vào sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết những nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong các doanh nghiệp liên quan đến Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; Kế toán TSCĐ và đầu tư dài hạn; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong các doanh nghiệp.

9.25. Kế toán quản trị 1/ Management accounting 1

3 TC (27; 27; 9)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung học phần: Bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán quản trị; sự khác biệt giữa kế toán quản trị với kế toán tài chính; sự phân loại chi phí và tính giá thành trong kế toán quản trị; sự phân tích mối quan hệ chi phí, khối lượng, lợi nhuận và các thông tin thích hợp.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán quản trị; có năng lực xác định chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp; phân tích được mối quan hệ chi phí, khối lượng, lợi nhuận để đánh giá và cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản trị doanh nghiệp nhằm đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh tối ưu, tư vấn được cho nhà quản trị trong việc lựa chọn phương án cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

9.26. Kế toán tài chính 2/ Financial accounting 2

3TC (27; 27; 09)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 1

Nội dung học phần: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán thành phẩm và tiêu thụ; kế toán các nguồn vốn và lập các báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng và thực hành tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp; Thực hiện phân loại, tập hợp đúng các chi phí phát sinh liên quan đến công tác tính giá thành sản phẩm, vận dụng phương pháp tính giá thành giản đơn, kế toán

các nghiệp vụ liên quan đến nhập - xuất kho thành phẩm, hàng hóa và tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa, tăng giảm nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu và lập các báo cáo tài chính theo quy định.

9.27. Kế toán quản trị 2/ Management accounting 2

2TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán quản trị 1

Nội dung học phần: Phương pháp định giá bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong doanh nghiệp; Kế toán quản trị doanh thu và kết quả kinh doanh; Lập dự toán chi phí sản xuất kinh doanh.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán quản trị; có năng lực thực hiện việc định giá bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, người học có thể lập được các báo cáo kế toán quản trị doanh thu và xác định kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị. Đồng thời người học có khả năng lập các dự toán sản xuất kinh doanh trong các đơn vị theo yêu cầu của nhà quản trị doanh nghiệp.

9.28. Kế toán máy/Computerized accounting

2 TC (10; 0; 50)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2

Nội dung học phần: Hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán doanh nghiệp, quy trình áp dụng kế toán máy, thực hành kế toán máy trên phần mềm kế toán ACMAN.

Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực vận dụng thiết kế cơ sở dữ liệu kế toán, xây dựng danh mục từ điển, nhận diện và xử lý chứng từ trùng, cập nhật sổ dư đầu kỳ, đăng ký chi tiết cho các tài khoản, khai báo nhân sự và quản lý tiền lương, cập nhật nghiệp vụ, sửa, xóa, in chứng từ, phân bổ, kết chuyển chi phí để tính giá thành sản phẩm, tự tạo hóa đơn cho doanh nghiệp, lên báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thuế.

9.29. Tổ chức công tác kế toán/ Organizing Accounting Activities 03TC (27;27; 09)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2

Nội dung học phần: Tổ chức công tác kế toán từ việc thu nhận, kiểm tra, hệ thống hóa, xử lý thông tin kế toán, nhằm cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng và Tổ chức bộ máy kế toán.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về tổ chức công tác kế toán; có kỹ năng tổ chức được bộ máy kế toán phù hợp với loại hình doanh nghiệp, biết cách phân công, hướng dẫn, kiểm tra tất cả các công việc của từng nhân viên kế toán. Lập được chứng từ kế toán phù hợp với từng loại nghiệp vụ. Tổ chức luân chuyển chứng từ đến từng bộ phận, có khả năng ghi chép và phản ánh thông tin kế toán vào hệ thống sổ kế toán, có khả năng lập các báo cáo kế toán cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng.

9.30. Kiểm toán căn bản / Principles of auditing

3 TC (27; 27; 09)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2

Nội dung học phần: Bản chất, đối tượng, các nguyên tắc và các khái niệm cơ bản về kiểm toán được thừa nhận như: Báo cáo kiểm toán, gian lận sai sót, trọng yếu rủi ro, cơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ. Đồng thời học phần còn chỉ ra các phương pháp khoa học của kiểm toán và hướng dẫn quy trình khi thực hiện cuộc kiểm toán tại đơn vị.

Năng lực đạt được: Sinh viên có thể chủ động xây dựng kế hoạch kiểm toán, lựa chọn phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán, phân tích các bằng chứng và lập được các báo cáo kiểm toán trong từng trường hợp cụ thể. Người học có khả năng tiếp tục nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu của hoạt động kiểm toán như kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động và kiểm toán tuân thủ.

9.31. Quản trị tài chính doanh nghiệp 1 /Corporate Financial Management 1

3TC (27; 36; 0)

Điều kiện tiên quyết: Tài chính – tiền tệ

Nội dung học phần: Tổng quan về nội dung của tài chính doanh nghiệp, vai trò của tài chính doanh nghiệp và phân tích được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến quản trị tài chính doanh nghiệp.

Năng lực đạt được: Sinh viên có thể đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh cho doanh nghiệp; Xác định chi phí theo từng mục đích quản lý khác nhau của doanh nghiệp; Xác định được điểm hòa vốn để đề xuất phương án sản xuất và tiêu thụ sản phẩm phù hợp cho doanh nghiệp; Ý nghĩa của các chỉ tiêu lợi nhuận (EBIT, EBT, NI); Cách xác định và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp; xác định được giá trị hiện tại, giá trị tương lai; Đánh giá được mức độ rủi ro của chứng khoán, danh mục đầu tư thông qua các chỉ tiêu đo lường rủi ro; Đánh giá hiệu quả tài chính của các dự án đầu tư dài hạn của doanh nghiệp.

9.32. Quản trị doanh nghiệp 1/Business management 1

2 TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

Nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức cần thiết để điều hành quản lý doanh nghiệp cũng như quá trình vận hành một doanh nghiệp như thế nào thông qua các nội dung hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát trong doanh nghiệp; Các phương pháp điều hành doanh nghiệp; các tổ chức của người lãnh đạo doanh nghiệp.

Năng lực đạt được: Sinh viên sẽ hoàn thiện thêm các kỹ năng tư duy, giao tiếp, làm việc nhóm, ra quyết định, lập mục tiêu và quản trị thời gian. Học viên có thể tự làm được các công việc như: phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng mục tiêu, kế hoạch và chiến lược kinh doanh cho doanh nghiệp; thu thập thông tin quản trị và ra quyết định hiệu quả; lãnh đạo nhóm làm việc và điều hành doanh nghiệp nhỏ và vừa.

9.33. Kinh tế lượng/ Econometrics

3 TC (24; 30; 12)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Toán cao cấp, Xác suất và thống kê toán học.

Nội dung học phần: Phân tích hồi quy trong kinh tế xã hội; Các kiến thức cơ bản về các khuyết tật của mô hình hồi quy và cách khắc phục các khuyết tật của mô hình.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy, nắm được các kỹ thuật cơ bản trong phân tích hồi quy và sử dụng được phần mềm Eviews trong quá trình phân tích hồi quy.

9.34. Khởi sự kinh doanh/ Startup Business. 2TC (18,18,06)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

Nội dung học phần: Đặc trưng môi trường kinh doanh hiện nay, những kỹ năng lựa chọn ý tưởng kinh doanh phù hợp; Các nội dung cụ thể của bản kế hoạch kinh doanh; các cách huy động vốn cho việc thực hiện ý tưởng kinh doanh, Các hình thức để bắt đầu kinh doanh như tạo lập doanh nghiệp mới, mua lại công ty và nhượng quyền kinh doanh.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được ưu, nhược điểm của mỗi ý tưởng kinh doanh mà mình có, có thể tự soạn thảo một bản kế hoạch kinh doanh chi tiết dựa trên ý tưởng của bản thân; đánh giá được ưu, nhược điểm của từng cách thức bắt đầu khởi sự và đưa ra lựa chọn cách thức khởi sự cho ý tưởng kinh doanh của mình.

9.35. Phân tích hoạt động kinh doanh/Business Analysis 3 TC (27; 27; 09)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2.

Nội dung học phần: Đối tượng, phương pháp và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cung cấp các nội dung phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Phân tích kết quả sản xuất; Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất; Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về phân tích hoạt động kinh doanh; có kỹ năng có năng lực phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất. Phân tích được các yếu tố sản xuất cũng như mức hạ giá thành và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. Vận dụng được các kỹ thuật phân tích để phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp.

9.36. Kiểm toán báo cáo tài chính/Auditing Financial Statements 02TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản

Nội dung học phần: Mục tiêu, căn cứ, nội dung kiểm toán của từng chu kỳ, khoản mục trên báo cáo tài chính; các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán cụ thể: từ việc khảo sát kiểm soát nội bộ

đến việc thực hiện các thủ tục phân tích tổng quát đến kiểm toán chi tiết từng chu kỳ cơ bản để tìm ra các bằng chứng kiểm toán của những gian lận và sai sót có khả năng làm ảnh hưởng đến từng chỉ tiêu cụ thể trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng các chính sách chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán-kiểm toán và kỹ thuật kiểm toán để thực hành nghề nghiệp kiểm toán trong tương lai.

9.37. Kế toán tài chính Nhà nước 1/State Financial Accounting 1 **2TC (18; 18; 06)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán.

Nội dung học phần: Tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp theo các phần hành kế toán từ kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư tài sản, kế toán các khoản thu sự nghiệp, chi sự nghiệp, kế toán nguồn kinh phí và phương pháp lập báo cáo tài chính trong các đơn vị HCSN.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán trong các đơn vị HCSN; có khả năng vận dụng và thực hành các phương pháp kế toán như: Phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối kế toán để ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các phần hành kế toán tại các đơn vị HCSN; Người học có đủ khả năng tổng hợp số liệu để lập các báo cáo tài chính tại các đơn vị HCSN.

9.38. Chọn 1 trong số 2 học phần sau

a. Kế toán thương mại dịch vụ/ Trade and service Accounting **2TC (18; 18; 06)**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung học phần: Đặc điểm, mục đích, yêu cầu và phương pháp lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp thương mại - dịch vụ; doanh nghiệp kinh doanh xuất - nhập khẩu; doanh nghiệp dịch vụ vận tải, hướng dẫn du lịch, nhà hàng, khách sạn.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng lựa chọn phương thức tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại - dịch vụ; thực hành kế toán nghiệp vụ mua hàng và nghiệp vụ bán hàng trong doanh nghiệp thương mại nội địa, doanh nghiệp xuất nhập khẩu; vận dụng được phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ vận tải, hướng dẫn du lịch, nhà hàng, khách sạn; thực hành lập các loại báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp thương mại - dịch vụ.

b. Kế toán tài chính 3/ Financial Accounting 3 **2 TC (18; 18; 06)**

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2

Nội dung học phần: Đặc điểm về kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu của các doanh nghiệp nông nghiệp, xây lắp, thương mại và dịch vụ như kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, đến kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng được những kiến thức cơ bản về kế toán trong các doanh nghiệp cụ thể như: doanh nghiệp nông nghiệp, doanh nghiệp xây lắp, thương mại nội địa và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, thực hiện được toàn bộ công tác kế toán trong các doanh nghiệp đặc thù: từ khâu lập chứng từ, vào sổ kế toán, lập Báo cáo kế toán để cung cấp thông tin hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin kế toán.

9.39. Chọn 1 trong số 3 học phần sau

a. Kế toán thuế/Tax Accounting

3 TC (27; 27; 09)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung học phần: Hệ thống pháp luật thuế hiện hành, lập hồ sơ đăng ký kê khai và nộp thuế. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp hạch toán và kê khai, quyết toán các loại thuế trong doanh nghiệp như thuế GTGT, thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp và một số loại thuế khác.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán thuế; có khả năng thực hiện hạch toán các khoản thuế trong doanh nghiệp. Có khả năng thực hiện lập dự toán, kê khai và quyết toán các khoản thuế. Người học cũng có kỹ năng sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế nhằm thực hiện kê khai thuế qua mạng. Người học cũng có thể giải trình các căn cứ lập tờ khai thuế, báo cáo quyết toán thuế với cơ quan quản lý thuế và điều chỉnh hồ sơ khai thuế khi cần thiết.

b. Kế toán tài chính Nhà nước 2/State Financial Accounting 2

3 TC (27; 27; 09)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính nhà nước 1.

Nội dung học phần: Kế toán thu, chi ngân sách xã; kế toán tiền, vật tư, tài sản cố định ở xã; kế toán các nghiệp vụ thanh toán; kế toán quỹ công chuyên dùng ở xã; lập báo cáo kế toán và quyết toán ngân sách xã.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán NSNN; có khả năng vận dụng và thực hành những kiến thức cơ bản về kế toán Ngân sách Nhà nước (NSNN) và nghiệp vụ Kho bạc nhà nước (KBNN) như: quá trình thu thập, xử lý, kiểm tra tình hình phân bổ dự toán kinh phí NSNN, tình hình thu, chi NSNN, tình hình nợ và xử lý nợ của nhà nước, các loại tài sản do KBNN quản lý và các hoạt động nghiệp vụ KBNN.

9.40. Chọn 1 trong số 3 học phần sau

a. Kế toán ngân hàng/Banking Accounting

2 TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

Nội dung học phần: Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu của NHTM như: nguồn vốn huy động vốn, nghiệp vụ cho vay; nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng của khách hàng, nghiệp vụ liên quan đến tài sản kinh doanh của NHTM, nghiệp vụ thanh toán vốn giữa các ngân hàng và phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính NHTM.

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành các kỹ năng như: Theo dõi, phản ánh và ghi chép kịp thời sự biến động về vốn nguồn cũng như vốn sử dụng của NHTM; hạch toán chi phí trả lãi tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm cho khách hàng; Hạch toán lãi dự thu cũng như đơn đốc việc thu lãi cho vay, thu nợ gốc đối với các khoản cho vay đã đến hạn thanh toán của khách hàng; Theo dõi, hạch toán sự tăng giảm của tài sản cố định phục vụ cho hoạt động kinh doanh của NHTM.

b. Kế toán quốc tế/ International Accounting

2 TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung học phần: Quá trình hình thành và phát triển các hệ thống kế toán trên thế giới như: hệ thống kế toán Mỹ, hệ thống kế toán Pháp. Phương pháp, nguyên tắc hạch toán trong các hệ thống kế toán trên thế giới.

Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực vận dụng và thực hành lập chứng từ, phản ánh chứng từ vào sổ nhật ký chung, sổ cái, lập bảng cân đối thử, thực hiện các bút toán điều chỉnh cuối kỳ đến lập và trình bày các báo cáo tài chính; kế toán quỹ tập phí, tiền gửi ngân hàng, thương phiếu phải thu, lợi thế thương mại, thương phiếu phải trả, trái phiếu phát hành...trong hệ thống kế toán Mỹ. Đồng thời, người học có năng lực khái quát hóa và so sánh đối chiếu các đặc điểm chung của hệ thống kế toán Pháp với hệ thống kế toán Mỹ và Việt Nam.

c. Kế toán môi trường/ Enviromental Accouting

2TC (18, 18, 06)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản về kế toán môi trường như sự cần thiết phải triển khai hoạt động kế toán môi trường, các định nghĩa, thành phần và mục tiêu của kế toán môi trường.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán môi trường; có khả năng triển khai áp dụng kế toán môi trường trong các phân hành kế toán tài chính, kế toán quản trị từ việc thiết kế, vận dụng hệ thống chứng từ, đến việc sử dụng các tài khoản kế toán phù hợp phục vụ cho việc lập sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp và lập các báo cáo kế toán phù hợp..

9.41. Chọn 1 trong số 3 học phần sau

a. Kiểm toán nội bộ/Internal Audit

2 TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản

Nội dung học phần: Bản chất của kiểm toán nội bộ, đặc điểm, quy trình thực hiện cũng như tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ trong các tổ chức, các doanh nghiệp. Thông qua các nội dung cơ bản của kiểm toán nội bộ như kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán báo cáo tài chính, người học có thể nắm được đặc thù của từng hoạt động kiểm toán. Nội dung, quy trình tổ chức kiểm toán trong từng trường hợp cụ thể.

Năng lực đạt được: Sinh viên có thể tổ chức xây dựng bộ máy kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức cũng như có thể tiến hành toàn bộ các công việc cụ thể của từng cuộc kiểm toán nội bộ từ khâu nhận diện rủi ro, nghiên cứu đặc thù doanh nghiệp, tổ chức; đến khâu lập kế hoạch, thực hiện kiểm toán, cung cấp sự đảm bảo và tư vấn cho khách thể kiểm toán và theo dõi sau kiểm toán.

b. Kiểm toán hoạt động / Operational Audit

2 TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản

Nội dung học phần: Đặc điểm kiểm toán hoạt động ngân sách nhà nước và kiểm toán những hoạt động chủ yếu trong một tổ chức.

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận thức được vai trò của kiểm toán hoạt động trong hệ thống kiểm toán, các chuẩn mực và tiêu chuẩn cho kiểm toán hoạt động cũng như cách thức kiểm toán hoạt động. Người học cũng có thể vận dụng các kỹ thuật kiểm toán để kiểm toán các hoạt động phổ biến trong các đơn vị kinh doanh, hành chính, sự nghiệp.

c. Kiểm toán tuân thủ/ Compliance Audit

2TC (18,18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản

Nội dung học phần: Đặc điểm kiểm toán hoạt động ngân sách nhà nước và kiểm toán những hoạt động chủ yếu trong một tổ chức.

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận thức được vai trò của kiểm toán hoạt động trong hệ thống kiểm toán, các chuẩn mực và tiêu chuẩn cho kiểm toán hoạt động cũng như cách thức kiểm toán hoạt động. Người học cũng có thể vận dụng các kỹ thuật kiểm toán để kiểm toán các hoạt động phổ biến trong các đơn vị kinh doanh, hành chính, sự nghiệp.

9.42. Chọn 1 trong số 3 học phần sau

a. Thuế /Tax

2 TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ

Nội dung học phần: Kiến thức liên quan đến các sắc thuế hiện hành, đặc điểm cơ bản của từng loại thuế, phương pháp tính toán và các thủ tục cần kê khai, nộp thuế đối với Nhà nước.

Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng để tính và kê khai được số thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, số thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ; số thuế thu nhập cá nhân phải nộp từ hoạt động kinh doanh sản xuất kinh

doanh, từ tiền lương, tiền công và một số hoạt động cụ thể khác theo quy định mà cơ sở kinh doanh phải nộp cho cơ quan thuế.

b. Thị trường chứng khoán/Stock market

2 TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị tài chính doanh nghiệp

Nội dung học phần: Tổng quan về thị trường chứng khoán: bản chất, chức năng, cơ cấu của thị trường chứng khoán, các công cụ và các chủ thể tham gia thị trường, vai trò của thị trường chứng khoán; Tổ chức thị trường và các hoạt động chính trên thị trường chứng khoán sơ cấp và thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán để đầu tư; Hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán.

Năng lực đạt được: Sinh viên có thể tham gia đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán; Tính giá trị sổ sách của cổ phiếu dựa trên cơ sở số liệu sổ sách kế toán; Tư vấn cho khách hàng tham gia thị trường chứng khoán; Tư vấn cho công ty nên phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng; Xác định giá khớp lệnh của cổ phiếu dựa vào các lệnh đặt ở phiên khớp lệnh định kỳ; Xác định khối lượng giao dịch của phiên khớp lệnh định kỳ.

c. Tài chính công/ Public Finance

2 TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ

Nội dung học phần: Ngân sách nhà nước và chu trình quản lý ngân sách nhà nước, quản lý chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước, quản lý chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, quản lý tài chính ở các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tổ chức cân đối ngân sách nhà nước.

Năng lực đạt được: Sinh viên được hình thành một số kỹ năng như: Tính toán mức chi thường xuyên của NSNN cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ, định mức; Xác định mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; Quản lý tài chính ở các cơ quan nhà nước về nguồn thu, nhiệm vụ chi và thực hiện tự chủ tài chính; Quản lý tài chính ở các đơn vị sự nghiệp công lập về nguồn thu, nhiệm vụ chi và thực hiện tự chủ tài chính.

9.43. Chọn 1 trong số 3 học phần sau:

a. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại/Commercial Banking

2 TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị tài chính doanh nghiệp

Nội dung học phần: Tổng quan về nguồn vốn và quản lý nguồn vốn của NHTM; Các nghiệp vụ cho vay, phương thức cho vay của NHTM; Các dịch vụ thanh toán qua ngân hàng của khách hàng; qui trình nghiệp vụ huy động vốn, cho vay; Các nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng khác: bảo lãnh, tư vấn kinh doanh chứng khoán, ủy thác...

Năng lực đạt được: Sinh viên được hình thành các kỹ năng cơ bản sau: phân tích thị trường, phân tích đặc điểm của từng loại tiền gửi, từng đối tượng khách hàng để tìm ra phương thức huy động vốn phù hợp cho ngân hàng; Kỹ năng tính toán các chi phí huy động vốn, thu

nhập từ lãi cho vay để xây dựng chính sách huy động vốn tối ưu, quản lý rủi ro tín dụng; Kỹ năng tư vấn cho khách hàng lựa chọn được phương thức đầu tư, phương thức tài trợ thích hợp.

b. Thống kê doanh nghiệp/ Business Statistics

2 TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Xác suất thống kê, Nguyên lý thống kê, Tài chính tiền tệ

Nội dung học phần: Tổ chức thu thập, xử lý, tổng hợp các thông tin số liệu có liên quan đến quá trình tái sản xuất của đơn vị; xây dựng phương pháp tính các chỉ tiêu phản ánh kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành được các kỹ năng như: xây dựng phương án điều tra, tìm kiếm thông tin về thị trường, đối thủ cạnh tranh của doanh nghiệp; Kỹ năng tính toán các chi phí, doanh thu, lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Kỹ năng tính toán các chỉ tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Kỹ năng phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của một số chỉ tiêu như: giá thành bình quân, năng suất lao động bình quân, tổng doanh thu, tổng chi phí...trong doanh nghiệp

c. Bảo hiểm/Insurance

2 TC (18; 18; 06)

Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ

Nội dung học phần: Vai trò của bảo hiểm đối với nền kinh tế xã hội; Quyền và lợi ích cũng như trách nhiệm của các bên trong Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế; Khai thác, quản lý và nguyên tắc thực hiện bồi thường bảo hiểm.

Năng lực đạt được: Sinh viên có thể thực hiện các công việc liên quan; Tư vấn, giới thiệu, chào bán những sản phẩm bảo hiểm; Thu phí bảo hiểm theo quy định đồng thời sát sao và có trách nhiệm đối với các hợp đồng do mình đã ký kết với khách hàng; Tiến hành trích lập dự phòng phí bảo hiểm theo nghiệp vụ và quy định của luật kinh doanh bảo hiểm; Xác minh, điều tra đối với các rủi ro bất thường xảy ra trong thời hạn hiệu lực của các hợp đồng bảo hiểm thương mại

9.44. Chọn 1 trong số 3 học phần

a. Kinh tế đầu tư/Investment Economics

2 TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô

Nội dung học phần: Đầu tư phát triển, công tác quản lý và kế hoạch hoá hoạt động đầu tư, môi trường đầu tư, đầu tư công, đầu tư quốc tế, kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp. Với những kiến thức này, người học sẽ hiểu hơn về hoạt động đầu tư cũng như các công tác liên quan đến đầu tư của các cấp, các ngành, địa phương.

Năng lực đạt được: Sinh viên có thể vận dụng để tự lập cho mình một dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, thẩm định về mặt tài chính của dự án. Sinh viên có thể

đánh giá hoạt động đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, đầu tư quốc tế và đầu tư công của địa phương và Việt Nam.

b. Kinh tế quốc tế/International economics

2 TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô

Nội dung học phần: Khái quát chung về nền kinh tế thế giới, về nội dung các mối quan hệ kinh tế quốc tế. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về các tổ chức kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức phân tích được cơ sở mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế quốc tế; Nhận biết được các xu hướng của nền kinh tế thế giới, từ đó thay đổi hành vi tạo điều kiện cho sự phát triển một cách phù hợp với thời đại; thực hiện được cơ bản các giao dịch trong thương mại quốc tế như xuất nhập khẩu, chuyển khẩu, gia công quốc tế; Biết rõ cách sử dụng các công cụ trong thương mại quốc tế và phân tích được các tác động của nó đến nền kinh tế Việt Nam và địa phương; Biết cách kinh doanh ngoại hối dựa trên các nghiệp vụ của thị trường và quy đổi giá cả các loại tiền tệ trên thế giới.

c. Kinh tế các ngành/Sectoral Economics

2 TC (18; 24; 0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Nội dung học phần: Đặc điểm, vai trò của các ngành, cơ cấu và sự chuyển dịch cơ cấu ngành. Quản lý nguồn lực trong việc phát triển kinh tế ngành. Giới thiệu một số hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh. Cung cấp một số phương pháp xét hiệu quả kinh tế trong việc lựa chọn phương án đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được một cách cơ bản về định hướng phát triển các ngành trong nền kinh tế, vận dụng kiến thức quản lý để quản lý tốt hiệu quả các nguồn lực về vốn, tài nguyên, lao động trong sản xuất kinh doanh. Từ các bài tập tình huống giả định, người học vận dụng tính được hiệu quả kinh tế trong các ngành và quyết định được phương án đầu tư.

9.45. Thực tập tốt nghiệp/Graduation Internship

5 TC (0; 0; 150)

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành tất cả các học phần ở khối lượng kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp

Vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào thực tiễn các hoạt động quản lý chung và công tác kế toán tại đơn vị thực tập; Hiểu và thực hành được các nội dung tổ chức công tác kế toán, thực hành các phần hành kế toán tại đơn vị kế toán cơ sở từ khâu lập chứng từ, ghi sổ, và lập báo cáo kế toán. Đưa ra được những quan điểm về thực trạng kế toán để có các giải pháp cải thiện các tồn tại trong công tác kế toán tại đơn vị thực tập.

9.46. Khoa luận tốt nghiệp/Thesis Defence

6 TC

Vận dụng kiến thức lý luận về chuyên môn trong quá trình học vào việc so sánh với thực tiễn công việc tại đơn vị kế toán cụ thể. Từ đó phân tích và đánh giá thực trạng, đưa ra

được những quan điểm và phương thức thực hiện hiệu quả hơn các nội dung kế toán cho một phần hành kế toán hoặc một nội dung nào đó của công tác kế toán tại đơn vị kế toán.

9.47. Lập và phân tích Báo cáo tài chính

3 TC (27; 27; 09)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2.

Nội dung học phần: Những nguyên tắc cơ bản về việc lập, phân tích báo cáo tài chính. Cung cấp những nội dung phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp như: Phân tích tổng quan tình hình tài chính, phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán, phân tích cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư; mức độ độc lập tài chính, phân tích hiệu quả kinh doanh.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về việc lập và phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp; có kỹ năng, có năng lực phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh. Vận dụng được các kỹ thuật phân tích để phân tích tình hình tài chính; phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán; phân tích cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư; phân tích mức độ độc lập tài chính; phân tích hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

9.48. Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp/ Finance Accounting Practicing

3 TC (27; 27; 09)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 2

Nội dung học phần: Hệ thống các hệ thống bài tập tình huống, bài tập tổng hợp thực hành xuyên suốt nội dung kế toán doanh nghiệp góp phần làm rõ các thuật ngữ, khái niệm, nguyên tắc, Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng và giải quyết các tình huống kế toán thực tế xuyên suốt nội dung kế toán doanh nghiệp, Hiểu rõ các thuật ngữ, khái niệm, nguyên tắc, Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để thực hành nghề kế toán tại các đơn vị.

10. Danh sách bộ môn thực hiện chương trình

STT	Tên môn học, học phần	Bộ môn quản lý
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Nguyên lý
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Nguyên lý
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TT HCM & PL
4	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối
5	Pháp luật đại cương	TT HCM & PL
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VN học-du lịch
7	Phương pháp nghiên cứu KH chuyên ngành	TK-Toán KT
8	a Môi trường và con người	Địa lý tự nhiên-Môi trường

9	b	Logic học đại cương	Nguyên lý
	c	Tâm lý học quản lý kinh doanh	Tâm lý
	a	Địa lý kinh tế Việt Nam	Địa lý
	b	Lịch sử kinh tế quốc dân	Kinh tế
	c	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Nguyên lý
10		Tiếng Anh 1	NN. Kchuyên
11		Tiếng Anh 2	NN. Kchuyên
12		Tiếng Anh 3	NN. Kchuyên
13		Toán cao cấp	Toán UD
14		Tin học	Tin học
15		Xác suất và TK toán học	Toán ứng dụng
16		Lý thuyết mô hình toán kinh tế	TK-Toán KT
		Giáo dục thể chất	GDTC
		Giáo dục quốc phòng	GDQP
17		Luật kinh tế	TT HCM & PL
18		Kinh tế vi mô	Kinh tế
19		Kinh tế vĩ mô	Kinh tế
20		Tài chính-Tiền tệ	Tài chính ngân hàng
21		Nguyên lý thống kê	Tài chính ngân hàng
22		Marketing căn bản	Quản trị kinh doanh
23		Nguyên lý kế toán	Kế toán quản trị
24		Kế toán tài chính 1	Kế toán tài chính
25		Kế toán quản trị 1	Kế toán quản trị
26		Kế toán tài chính 2	Kế toán tài chính
27		Kế toán quản trị 2	Kế toán quản trị
28		Kế toán máy	Kế toán tài chính
29		Tổ chức công tác kế toán	Kế toán quản trị
30		Kiểm toán căn bản	Kế toán tài chính
31		Quản trị tài chính Doanh nghiệp 1	Tài chính ngân hàng
32		Quản trị doanh nghiệp 1	Quản trị kinh doanh
33		Kinh tế lượng	TK-Toán kinh tế
34		Khởi sự kinh doanh	Quản trị kinh doanh
35		Phân tích hoạt động kinh doanh	Kế toán quản trị
36		Kiểm toán báo cáo tài chính	Kế toán tài chính
37		Kế toán tài chính Nhà nước 1	Kế toán quản trị
38	a	Kế toán thương mại - dịch vụ	Kế toán tài chính
	b	Kế toán tài chính 3	Kế toán tài chính

39	a	Kế toán thuế	Kế toán quản trị
	b	Kế toán tài chính Nhà nước ²	Kế toán quản trị
40	a	Kế toán Ngân hàng	Tài chính ngân hàng
	b	Kế toán quốc tế	Kế toán tài chính
	c	Kế toán môi trường	Kế toán quản trị
41	a	Kiểm toán nội bộ	Kế toán tài chính
	b	Kiểm toán hoạt động	Kế toán tài chính
	c	Kiểm toán thuế	Kế toán tài chính
42	a	Thuế	Tài chính ngân hàng
	b	Thị trường chứng khoán	Tài chính ngân hàng
	c	Tài chính công	Tài chính ngân hàng
43	a	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Tài chính ngân hàng
	b	Thống kê doanh nghiệp	Tài chính ngân hàng
	c	Bảo hiểm	Tài chính ngân hàng
44	a	Kinh tế đầu tư	Kinh tế
	b	Kinh tế quốc tế	Kinh tế
	c	Kinh tế các ngành	Kinh tế
45		Thực tập tốt nghiệp	Kế toán tài chính
46		Khóa luận tốt nghiệp	Kế toán quản trị
47		Lập và phân tích BCTC	Kế toán quản trị
48		Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp	Kế toán tài chính

11. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

11.1. Hệ thống tư liệu, thư viện, mạng Internet:

Trung tâm Thông tin tư liệu thư viện Trường Đại học Hồng Đức cần có sách, báo, tạp chí chuyên ngành và các lĩnh vực có liên quan đủ để đáp ứng nhu cầu về tài liệu tham khảo cho giảng viên và sinh viên.

Ngoài ra, để có thể truy cập tìm kiếm thêm thông tin, tài liệu phục vụ cho quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học thông qua hệ thống mạng nội bộ, mạng Internet cần được trang bị và kết nối đến tận các khoa chuyên môn, phòng ban trong toàn trường.

11.2. Cơ sở thực hành thực tập

Xây dựng các điểm liên kết đào tạo giữa trường Đại học Hồng Đức với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sản xuất trong và ngoài tỉnh nhằm tạo địa bàn thực hành, thực tập, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ phục sản xuất, đời sống.

11.3. Danh mục các giáo trình và tài liệu tham khảo

STT	Tên học phần	Tài liệu	NXB	Năm
-----	--------------	----------	-----	-----

				XB
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	1. Tài liệu chính: - Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin - Giáo trình triết học Mác-Lênin 2. Tài liệu tham khảo: - C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, <i>tập 20; tập 42.</i> - Lênin toàn tập, <i>tập 23; tập 25; tập 26; tập 29; tập 32; tập 41.</i> - Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI.	NXB Chính trị QG NXB Chính trị QG NXB CTQGHN NXB Tiến bộ Matxcova NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2009 2010 2011 2007 2000 1980 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011.
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	1. Tài liệu chính: - Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin - Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dùng cho khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh) - Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Tài liệu tham khảo: - Giáo trình <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> , - ĐH Quốc gia Hà Nội, “ <i>Một số chuyên đề về Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> ”. - Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI.	NXB Chính trị Quốc gia NXB Chính trị QG NXB Chính trị QG NXB ĐH kinh tế quốc dân NXB Lý luận chính trị, Hà Nội. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2009 2010 2008 2006 2008 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1. Tài liệu chính: - Giáo trình Tư tưởng HCM 2. Tài liệu tham khảo: - Hội đồng Trung ương biên soạn, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh.</i> - “ <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> ” tài liệu phục vụ dạy và học. - “ <i>Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh</i> ” - “ <i>Học tập tám gương đạo đức Bác Hồ</i> ”	NXB Chính trị QG NXB Chính trị QG NXB ĐHKQT NXB Lý luận CT NXB Thanh niên. NXB Chính trị QG	2009 2003 2008 2008 2007

		- “<i>Dạy và học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>” - Hồ Chí Minh toàn tập, đĩa CDROM Hồ Chí Minh toàn tập; - Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII	NXB Chính trị QG	2005 2002 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2015
4	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	1. Tài liệu chính: - <i>Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN</i> - <i>Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN</i> 2. Tài liệu tham khảo: - <i>Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN</i> - Đảng Cộng sản Việt Nam, “Văn kiện Đảng toàn tập”. - Xem trang Web www.cpv.org.vn	NXB Chính trị QG NXB Chính trị QG NXB ĐH Kinh tế quốc dân NXB Chính trị QG	2009 2006 2001 2001
5	Pháp luật đại cương	1. Tài liệu chính: - “<i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>” 2. Tài liệu tham khảo: - Lê Văn Minh (chủ biên), “<i>Pháp luật đại cương</i>”, - Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (chủ biên), “<i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>”, - Nguyễn Minh Động (chủ biên), “<i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>”	NXB Chính trị QG NXB Lao động; NXB Công an nhân dân NXB Tư pháp	2009 2016 2012 2012
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1. Tài liệu chính: - Trần Ngọc Thêm, <i>Cơ sở văn hoá Việt nam</i> - Ngô Xuân Sao, Mai Hồng Hải, Bài giảng <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> 2. Tài liệu tham khảo:	NXB Giáo dục	1997 2008
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học Kinh tế- QTKD	1. Tài liệu bắt buộc: - Trần Tiến Khai, <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế - kiến thức cơ bản</i>. - Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>. 2. Tài liệu tham khảo: - Trường Đại học Kinh tế quốc dân, <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</i>. - Đồng Thị Thanh Phương và Nguyễn Thị Ngọc An, <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học</i>. - Mar Saunders, Philip Lewis, Andrian Thornhill, <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</i>.	NXB Lao động xã hội NXB KHK NXB thống kê Nhà xuất bản Lao động Xã hội	2014 2006 2011 2010

			NXB Tài chính	2010
8a	Môi trường và con người	1. Tài liệu bắt buộc: - Mai Đình Yên (chủ biên): Môi trường và con người. - Lưu Đức Hải: Cơ sở khoa học môi trường. - Giáo trình An toàn lao động và vệ sinh môi trường, trường ĐH Thủ Dầu I. 2. Tài liệu tham khảo: - Trần Quốc Huy, Mai Duy Lục (Tập bài giảng). Môi trường và con người (154 trang). Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Hồng Đức, 2011. - Lê Văn Khoa (chủ biên): Khoa học môi trường. - Lê Văn Trường, Nguyễn Kim Tiến (đồng chủ biên): Giáo dục môi trường.	NXB Giáo dục, Hà Nội NXB ĐHQG Hà Nội NXB Giáo dục, Hà Nội NXB Giáo dục, Hà Nội	2003 2006 2011 2001 2006
8b	Logic học đại cương	1. Tài liệu chính: - Vương Tất Đạt, Giáo trình Logic học đại cương. - PGS.PTS. Tô Duy Hợp, PGS. Nguyễn Anh Tuấn, "Lôgic học", 2. Tài liệu tham khảo: - Bùi Thanh Quất – Nguyễn Tuấn Chi, "Giáo trình Lôgic học hình thức dùng cho sinh viên khoa Luật", - PTS. Lưu Hà Vĩ, "Lôgic hình thức" - Học viện Chính trị QG Hồ Chí Minh khu vực 1, "Giáo trình Lôgic học" (tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung) - C. Mác, H. Ăngghen, V.I. Lênin, "Bàn về Lôgic học biện chứng"	NXB Đại học QG Hà Nội NXB Đồng Nai Trường Đại học tổng hợp NXB CTQG NXB Chính trị QG NXB Thông tin lý luận.	2000 1997 1994 1996 2007 1985
8c	Tâm lý học quản lý kinh doanh	1. Tài liệu chính: - Nguyễn Hữu Thụ, Tâm lý học quản trị kinh doanh - Nguyễn Bá Dương, Đức Uy, Giáo trình tâm lý học kinh doanh 2. Tài liệu tham khảo: - Trương Quang Niệm, Tâm lý quản trị - Nguyễn Đình Xuân, Tâm lý học Quản trị kinh doanh	NXB ĐHQG HN NXB Thống kê NXB Thống kê NXB Chính trị QG	2009 2007 2005 1996
9a	Địa lý kinh tế Việt Nam	1. Tài liệu chính: - Bộ môn địa lý, Địa lý kinh tế xã hội Việt nam ĐHHĐ - Lê Thông, GT Địa lý kinh tế xã hội Việt nam 2. Tài liệu tham khảo:	NXB ĐH Sư phạm	2008 2002

9b	Lịch sử kinh tế quốc dân	1. Tài liệu chính: - GS. TS Nguyễn Trí Đình và PGS. TS Phạm Thị Quý, Giáo trình Lịch sử kinh tế - Vũ Văn Phúc, Giáo trình Lịch sử kinh tế quốc dân 2. Tài liệu tham khảo:	NXB Kinh tế quốc dân NXB Chính trị QG	2014 2007
9c	Lịch sử các học thuyết kinh tế	1. Tài liệu chính: - Giáo trình Lịch sử các học thuyết KT 2. Tài liệu tham khảo:	NXB ĐHKQTĐ	2005
10	Tiếng Anh 1	1. Tài liệu chính: - Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Paul Seligson, New English File. New English File. Elementary - Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự, Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ A, quyển 1. Workbook. (Quyển 1) 2. Tài liệu tham khảo: - Raymond Murphy, <i>Essential Grammar In Use</i> . - Cambridge Key (KET) English Test. - Longman, KET, Practice Test	Oxford University Press. Nhà xuất bản Thanh Hoá. NXB Thời đại Cambridge University Press.	2016 2004
11	Tiếng Anh 2	1. Tài liệu chính: - Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Paul Seligson, New English File. Pre- intermediate. (Quyển 2) - Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2016). Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B, quyển 2. 2. Tài liệu tham khảo: - Raymond Murphy, <i>Essential Grammar In Use</i> . - Cambridge Key (KET) English Test.	Oxford University Press. Nhà xuất bản Thanh Hoá NXB Thời đại Cambridge University Press.	2016 2004
12	Tiếng Anh 3	1. Tài liệu bắt buộc 1. Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing. 2. Trịnh Thị Thơm và các cộng sự. Rèn luyện kỹ năng Viết (Bổ trợ cho bài thi B1 KNLNN Việt Nam). Tài liệu tham khảo: 1. Cambridge PET. 2. Malcom Mann & Steve Taylore-Knowles. Destination B1-Grammar and Vocabulary. MacMillan	Nhà xuất bản Thanh Hoá Cambridge University Press. Cambridge University Press.	2016 2004 2008
13	Toán cao cấp	Tài liệu bắt buộc: 1. Nguyễn Đình Trí - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh, Toán học cao cấp, Tập 1, Tập 2, Tập 3	NXB Giáo dục	2013

		2. Nguyễn Đình Trí - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh, Bài tập Toán học cao cấp, Tập 1, 2, 3. Tài liệu tham khảo: 1. Nguyễn Duy Thuận – Phí Mạnh Ban – Nông Quốc Chinh, Đại số tuyến tính 2. Vũ Tuấn - Phan Đức Thành - Ngô Xuân Sơn. Giải tích toán học tập	NXB Giáo dục Nhà xuất bản Đại học sư phạm. NXB Giáo dục	2013 2004 1981
14	Tin học	1. Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i> . 2. Hàn Viết Thuận, <i>Giáo trình Tin học đại cương</i> , 3. Dương Minh Quý, <i>Microsoft Office 2007</i> . 4. Microsoft, <i>Step by Step Microsoft Office 2007</i> .	NXB Thông tin và Truyền thông. NXB ĐHKQTĐ NXB Hồng Đức. NXB Microsoft Press.	2015 2012 2013 2012
15	Xác suất và thống kê toán	Tài liệu bắt buộc: [1]. Đào Hữu Hồ: Xác suất và Thống kê [2]. Phạm Văn Kiêu: Lý thuyết xác suất và thống kê toán học. Tài liệu tham khảo: [3]. Đào Hữu Hồ, Hướng dẫn giải các bài toán Xác suất - Thống kê. [4]. Đặng Hùng Thắng, Lý thuyết xác suất và thống kê toán học.	Đại học QGHN NXB GD Đại học QGHN Đại học QGHN	2008 1995 2006 2011
16	Lý thuyết mô hình toán kinh tế	1. Tài liệu chính: - PGS.TS Hoàng Đình Tuấn, Lý thuyết mô hình toán kinh tế - PGS.TS Hoàng Đình Tuấn, Mô hình toán kinh tế 2. Tài liệu tham khảo: - Lê Đình Thúy, Toán cao cấp cho các nhà kinh tế - Nguyên lý kinh tế vi mô I - Thống kê kinh doanh	NXB ĐHKQTĐ NXB ĐHKQTĐ NXB ĐHKQTĐ NXB ĐHKQTĐ	2015 2007 2007 2004
17	Luật kinh tế	1. Tài liệu chính: - TS Nguyễn Viết Tý, GT luật thương mại. 2. Tài liệu tham khảo: - TS Nguyễn Hợp Toàn, Giáo trình Luật kinh tế. - Luật cạnh tranh 2005 - Luật doanh nghiệp 2014 - Luật hợp tác xã 2013 - Luật phá sản 2014 - Luật thương mại 2005 - Luật trọng tài thương mại 2010	NXB CAND NXB Thống kê	2015 2008
18	Kinh tế vi mô	1. Tài liệu chính:		

		- PGS. TS Nguyễn Văn Dân, Kinh tế học vi mô - PGS. TS Nguyễn Mạnh Hồng, Giáo trình Kinh tế vi mô 2. Tài liệu tham khảo: - PGS.TS Vũ Kim Dũng và PGS.TS Nguyễn Văn Công, Giáo trình kinh tế học tập 1 - PGS.TS Vũ Kim Dũng và PGS.TS Phạm Văn Minh, Ngân hàng câu hỏi kinh tế vi mô.	NXB ĐHKQTĐ NXB Đại học QG Hà Nội	2014 2009
		2. Tài liệu tham khảo: - PGS.TS Vũ Kim Dũng và PGS.TS Nguyễn Văn Công, Giáo trình kinh tế học tập 1 - PGS.TS Vũ Kim Dũng và PGS.TS Phạm Văn Minh, Ngân hàng câu hỏi kinh tế vi mô.	NXB Đại học Kinh tế quốc dân NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012 2013
19	Kinh tế vĩ mô	1. Tài liệu chính: - PGS.TS Vũ Kim Dũng; PGS.TS Nguyễn Văn Công – Giáo trình kinh tế học tập 2. 2. Tài liệu tham khảo: - Nguyễn Văn Ngọc, Bài giảng kinh tế vĩ mô - Nguyễn Văn Ngọc, PGS.TS Hoàng Yến, Hướng dẫn giải bài tập kinh tế vĩ mô	Nhà xuất KTQĐ NXB ĐHKQTĐ NXB ĐHKQTĐ	2012 2007 2007
20	Tài chính tiền tệ	1. Tài liệu chính: - GS.TS Nguyễn Văn Tiến; Giáo trình Tài chính – Tiền tệ - PGS.TS Nguyễn Hữu Tài – Giáo trình Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ - GT.TS Vũ Văn Hóa, PGS.TS Đinh Xuân Hạng, Lý thuyết tiền tệ 2. Tài liệu tham khảo: - Ngô Việt Hương (chủ biên), Tài chính với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - Frederic S.Mishkin, Tiền tệ, Ngân hàng & Thị trường Tài chính.	NXB Thống kê NXB ĐH Kinh tế quốc dân NXB Tài chính NXB Thanh Hóa NXB Khoa học và Kỹ thuật	2011 2009 2007 2016 2016
21	Nguyên lý thống kê	1. Tài liệu chính: - PGS. TS Trần Thị Kim Thu, Giáo trình lý thuyết thống kê 2. Tài liệu tham khảo: - GS.TS Phạm Ngọc Kiểm, PGS.TS Nguyễn Công Nhự, TS Bùi Đức Triệu, Giáo trình thống kê doanh nghiệp - PGS.TS Nguyễn Huy Thịnh, Giáo trình lý thuyết thống kê. - TS. Chu Văn Tuấn, Câu hỏi và bài tập lý thuyết thống kê	NXB ĐHKQTĐ NXB Thống kê NXB Tài chính NXB Tài chính	2014 2009 2004 2007
22	Marketing căn bản	1. Tài liệu chính: - Philip Kotler, Marketing căn bản - GS.TS Trần Minh Đạo, Marketing căn bản	NXB thống kê NXB ĐHKQTĐ	2004 2007

		2. Tài liệu tham khảo: - TS Vũ Đình Thắng: Marketing nông nghiệp. - TS. Phan Đình Quyền, Brand Positioning - Philip Kotler & Gary Armstrong – Principles of Marketing (Tập 1 + 2)	NXB thống kê NXB Thống kê	2006 2005
23	Nguyên lý kế toán	1. Tài liệu chính: - PGS.TS Đoàn Xuân Tiên, Nguyên lý kế toán. 2. Tài liệu tham khảo: - Luật kế toán; Chuẩn mực kế toán; Hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo thông tư 200/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính. - PGS.TS Trần Quý Liên, Giáo trình Nguyên lý kế toán. - PGS.TS Võ Văn Nhị, Giáo trình Nguyên lý kế toán.	NXB Tài chính NXB Tài chính NXB ĐH KTQD NXB kinh tế TP HCM	2014 2014 2015 2015
24	Kế toán tài chính 1	1. Tài liệu chính: - GS.TS Ngô Thế Chi; TS. Trương Thị Thuý, Giáo trình Kế toán tài chính. - PGS.TS Nguyễn Văn Công, Kế toán tài chính doanh nghiệp 2. Tài liệu tham khảo: - TS. Trương Thị Thuý; Th.s. Nguyễn Thị Hoà; Th.s. Bùi Thị Hương, Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp - Luật kế toán; Chuẩn mực kế toán; Hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo Thông tư 200/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	NXB Tài chính NXB Tài chính NXB Tài chính NXB Tài chính	2013 2010 2016 2014
25	Kế toán quản trị 1	1. Tài liệu chính: - PGS.TS Đoàn Xuân Tiên, Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp - Trần Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Hồng Điệp, Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất. - Phạm Văn Dược, Đặng Kim Cương; Kế toán quản trị Lý thuyết và bài tập. 2. Tài liệu tham khảo: - Luật kế toán; Chuẩn mực kế toán; chế độ kế toán hiện hành. - Mạng Internet, trang thông tin kinh tế và chính sách xã hội.	NXB Tài chính – Hà Nội NXB Kinh tế quốc dân. NXB Thống kê	2009 2016 2008
26		1. Tài liệu chính: - GS.TS Ngô Thế Chi; TS. Trương Thị Thuý, Giáo	NXB Tài chính	2013

	Kế toán tài chính 2	trình Kế toán tài chính. - PGS.TS Nguyễn Văn Công, Kế toán tài chính doanh nghiệp 2. Tài liệu tham khảo: - TS. Trương Thị Thủy; Th.s. Nguyễn Thị Hoà; Th.s. Bùi Thị Hương, Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp - Luật kế toán; Chuẩn mực kế toán; Hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo Thông tư 200/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	NXB Tài chính NXB Tài chính NXB Tài chính	2010 2016 2014
27	Kế toán quản trị 2	1. Tài liệu chính: - PGS.TS Đoàn Xuân Tiên, Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp - Trần Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Hồng Điệp, Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất. - Phạm Văn Dược, Đặng Kim Cương; Kế toán quản trị Lý thuyết và bài tập. 2. Tài liệu tham khảo: - Luật kế toán; Chuẩn mực kế toán; chế độ kế toán hiện hành. - Mạng Internet, trang thông tin kinh tế và chính sách xã hội.	NXB Tài chính – Hà Nội NXB Kinh tế quốc dân. NXB Thống kê	2009 2016 2008
28	Kế toán máy	1. Tài liệu chính 1. Phạm Hồng Sơn – Phần mềm kế toán ACMAN Không 2. Tài liệu tham khảo 1. Giáo trình Kế toán máy	NXB Lao động và xã hội NXB ĐH KTQD	2014 2008
29	Tổ chức công tác kế toán	1. Tài liệu chính 1. TS Lưu Đức Tuyên – TS Ngô Thị Thu Hồng – Giáo trình tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp. 2. Tài liệu tham khảo 1. Luật kế toán, chuẩn mực kế toán. 2. Hồ Mỹ Hạnh, Giáo trình Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp. 3. Chế độ kế toán doanh nghiệp.	NXB Thống kê NXB Thống kê NXB Thống kê	2011 2011 2015
30	Kiểm toán căn bản	1. Tài liệu chính 1. TS Nguyễn Viết Lợi, Th.s Đậu Ngọc Châu- Giáo trình kiểm toán căn bản. 2. GS, TS Nguyễn Quang Quỳnh; PGS, TS Ngô Trí Tuệ; Giáo trình Kiểm toán	NXB Tài chính NXB ĐH KTQD	2010 2010
31	Quản trị tài	1. Tài liệu chính:		

	chính doanh nghiệp 1	- PGS.TS Bùi Văn Vần, PGS.TS Vũ Văn Ninh, Giáo trình tài chính doanh nghiệp - TS. Bùi Văn Vần - Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp. 2. Tài liệu tham khảo: - PGS.TS Lưu Thị Hương, PGS.TS Vũ Duy Hào, Quản trị Tài chính doanh nghiệp - TS Nguyễn Minh Kiều, Tài chính doanh nghiệp căn bản - PGS.TS Lưu Thị Hương, PGS.TS Vũ Duy Hào, Câu hỏi trắc nghiệm và bài tập môn Quản trị Tài chính doanh nghiệp	NXB Tài chính NXB Tài chính NXB Tài chính NXB Thống kê NXB Tài chính	2015 2009 2011 2009 2011
32	Quản trị doanh nghiệp	1. Tài liệu chính: - PGS.TS. Lê Văn Tâm, Giáo trình Quản trị doanh nghiệp - Nguyễn Hải Sản, Quản trị doanh nghiệp 2. Tài liệu tham khảo: - PGS.TS Đồng Thị Thanh Phương, ThS Nguyễn Đình Hòa, ThS Trần Thị Ý Nhi, Giáo trình Quản trị doanh nghiệp - GS. TS Đồng Thị Thanh Phương, Giáo Trình Quản Trị Doanh Nghiệp	NXB Thống kê NXB Thống kê NXB Thống kê NXB Thống kê	2000 2000 2008 2007
33	Kinh tế lượng	1. Tài liệu chính: - TS. Bùi Duy Phú, Giáo trình Kinh tế lượng - PGS.TS Nguyễn Cao Văn, Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê toán. 2. Tài liệu tham khảo:	NXB Giáo dục Việt Nam NXB ĐH KTQD	2013 2012
34	Khởi sự kinh doanh			
35	Phân tích hoạt động kinh doanh	1. Tài liệu chính: - Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương, <i>Phân tích hoạt động kinh doanh</i> 2. Tài liệu tham khảo: - TS. Nguyễn Năng Phúc, Phân tích kinh tế lý thuyết và thực hành, NXB Tài chính, 2003. - Nguyễn Thị My, Phan Đức Dũng, 2009. <i>Phân tích hoạt động kinh doanh</i>. NXB Thống kê.	NXB Lao động xã hội. NXB Tài chính NXB Thống kê	2007 2003 2009
36	Kiểm toán báo cáo tài chính	1. Tài liệu chính 1. ThS Đậu Ngọc Châu, TS Ngô Viết Lợi, Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính Không 2. Tài liệu tham khảo	NXB tài chính	2011

		1. GS, TS Nguyễn Quang Quỳnh; PGS,TS Ngô Trí Tuệ; Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính Không	NXB ĐH KTQD.	2014
37	Kế toán tài chính NN1	1. Tài liệu chính: - PGS.TS Phạm Văn Liên, Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp. - PGS.TS Nguyễn Văn Du, Giáo trình Kế toán ngân sách và tài chính xã.	NXB Tài chính	2013
		2. Tài liệu tham khảo 1. Chế độ kế toán HCSN 2. Chế độ kế toán ngân sách và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước.	NXB Tài chính	2015
38a	Kế toán thương mại dịch vụ	1. Tài liệu chính 1. GS.TS Ngô Thế Chi, TS. Trương Thị Thủy- Giáo trình Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ. 2. TS Nguyễn Phú Giang, Kế toán dịch vụ	NXB Tài chính	2010
			NXB Tài chính	2008
38b	Kế toán tài chính 3	1. Tài liệu chính 1. GS.TS Nguyễn Văn Công, Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp phần 3. 2. GS.TS Ngô Thế Chi- Giáo trình Kế toán thương mại dịch vụ	NXB Thống kê	2012
		2. Tài liệu tham khảo 1. TS. Nguyễn Phú Giang- Giáo trình kế toán dịch vụ 2. GS.TS Võ Văn Nhị- Giáo trình doanh nghiệp xây lắp và đơn vị chủ đầu tư	NXB Tài chính	2010
			NXB Tài chính	2012
			NXB Tài chính	2010
39a	Kế toán thuế	1. Tài liệu chính: - PGS.TS Nguyễn Phú Giang, TS. Lê Thị Minh Huệ, TS. Lê Thị Hồng, Kế toán thuế 2. Tài liệu tham khảo: 1. Hệ thống văn bản pháp luật về thuế theo quy định hiện hành. 2. PGS.TS Ngô Thế Chi, Thuế và Kế toán thuế.	NXB Tài chính	2016
			NXB Tài chính	2014
39b	Kế toán tài chính Nhà nước 2	1. Tài liệu chính: - PGS.TS Phạm Văn Liên, Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp. - PGS.TS Nguyễn Văn Du, Giáo trình Kế toán ngân sách và tài chính xã.	NXB Tài chính	2013
		2. Tài liệu tham khảo 1. Chế độ kế toán HCSN 2. Chế độ kế toán ngân sách và hoạt động nghiệp vụ	NXB Tài chính	2015

		kho bạc nhà nước.		
40a	Kế toán ngân hàng	1. Tài liệu chính: - Ths Nguyễn Văn Lộc, Giáo trình Kế toán ngân hàng thương mại - Giáo trình Kế toán ngân hàng thương mại - Đại học Ngân hàng TP. HCM - Bài tập môn học Kế toán Ngân hàng do GV bộ môn TC-TK biên soạn. 2. Tài liệu tham khảo: - Giáo trình Kế toán ngân hàng thương mại - Học viện ngân hàng. - Kế toán ngân hàng – Lý thuyết và bài tập, Bộ môn Kế toán ngân hàng, Khoa Ngân hàng – Học viện Ngân hàng biên soạn.	NXB Tài chính NXB thống kê. NXB thống kê. NXB thống kê.	2015 2014 2009 2009
40b	Kế toán quốc tế	1. Tài liệu chính 1. Nguyễn Phú Giang, Giáo trình Kế toán quốc tế. 2. Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thị Đông, Giáo trình Kế toán quốc tế.	NXB Tài chính NXB Thống kê	2009 2002
40c	Kế toán môi trường			
41a	Kiểm toán nội bộ	1. Tài liệu chính 1. Thịnh Văn Vinh, Phạm Tiến Hưng, Kiểm toán nội bộ. 2. Tài liệu tham khảo 1. TS. Phan Trung Kiên, Kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp. 2. PGS.TS Nguyễn Phú Giang, TS. Nguyễn Trúc Lê- Kiểm toán nội bộ	NXB Tài chính NXB Tài chính NXB Tài chính	2012 2015 2014
41b	Kiểm toán hoạt động	1. Tài liệu chính 1. GS.TS Nguyễn Quang Quynh- Giáo trình Kiểm toán hoạt động (không) 2. Tài liệu tham khảo 1. Thịnh Văn Vinh, Phạm Tiến Hưng, Kiểm toán nội bộ.	NXB Đại học KTQD NXB Tài chính	2013 2012
41c	Kiểm toán tuân thủ	1. Tài liệu chính 1. TS. Vũ Thị Phương Liên, Đậu Ngọc Châu- Giáo trình Kiểm toán tuân thủ. 2. Tài liệu tham khảo 1. Thịnh Văn Vinh, Phạm Tiến Hưng, Kiểm toán nội bộ.	NXB Thống kê NXB Tài chính	2016 2012
42a	Thuế	1. Tài liệu chính: - TS. Lê Hoàng Bá Huyền, PGS.TS Nguyễn Thị Bát,	NXB Lao động	2016

		Giáo trình Chính sách và nghiệp vụ thuế - TS. Lê Hoàng Bá Huyền, Câu hỏi và bài tập thuế - PGS.TS Nguyễn Thị Liên và PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu, Giáo trình thuế 2. Tài liệu tham khảo: - PGS.TS. Đỗ Đức Minh và TS. Nguyễn Việt Cường, Giáo trình Lý thuyết thuế - Lê Xuân Trường, TS. Vương Thị Thu Hiền, Câu hỏi và bài tập môn Thuế - Joseph E. Stiglitz, Kinh tế học công cộng (Nguyễn Thị Hiền dịch)	NXB Lao động Nhà xuất bản Tài chính NXB Tài chính NXB Tài chính NXB Khoa học và kỹ thuật	2016 2010 2010 2013 1995
42b	Thị trường chứng khoán	1. Tài liệu chính: - TS. Bạch Đức Hiền, Giáo trình Thị trường chứng khoán - TS. Hoàng Văn Quỳnh, Câu hỏi và bài tập thị trường chứng khoán - PGS. TS. Bùi Kim Yến, Giáo trình Thị trường chứng khoán 2. Tài liệu tham khảo: - PGS.TS. Nguyễn Văn Nam và PGS.TS. Vương Trọng Nghĩa, Giáo trình Thị trường chứng khoán - GS.TS. Lê Văn Tư, Thị trường chứng khoán - GS.TS Nguyễn Thanh Tuyền, Thị trường chứng khoán	NXB Tài chính NXB Tài chính NXB Lao động – Xã Hội NXB Tài chính NXB Thống kê NXB Thống kê	2009 2008 2008 2005 2006 2006
42c	Tài chính công	1. Tài liệu chính: - PGS.TS Dương Đăng Chinh, TS Phạm Văn Khoan, Giáo trình quản lý tài chính công - TS. Phạm Văn Khoan, Giáo trình Quản lý TCC (Dành cho các lớp không thuộc chuyên ngành Quản lý TCC) - PGS.TS Hoàng Thị Thúy Nguyệt, TS. Đào Thị Bích Hạnh, Giáo trình Lý thuyết Quản lý TCC 2. Tài liệu tham khảo: - PGS.TS Sừ Đình Thành, TS. Bùi Thị Mai Hoài, Tài chính công và phân tích chính sách thuế - TS. Trần Văn Giao - Giải đáp về quản lý tài chính công - Joseph E. Stiglitz, Kinh tế học công cộng (Nguyễn Thị Hiền dịch)	NXB Tài chính NXB Tài chính NXB Lao động xã hội NXB Chính trị QG NXB Khoa học và kỹ thuật	2009 2010 2009 2009 1995
43a	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	1. Tài liệu chính: - PGS.TS Nguyễn Thị Mùi, Giáo trình Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	NXB Tài chính	2012

		- F.Mishkin. Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính - Tài liệu về phần mềm T24 2.Tài liệu tham khảo: - Perters.Rose, Quản trị ngân hàng thương mại - PGS.TS. Nguyễn Văn Tiến, Giáo trình ngân hàng thương mại - TS. Tô Ngọc Hưng, nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng	NXB Thống kê NXB Tài chính NXB Thống kê NXB Thống kê	2008 2007 2011 2008
43b	Thống kê doanh nghiệp	1. Tài liệu chính: - GS.TS Phạm Ngọc Kiểm và PGS. TS Nguyễn Công Nhự, Giáo trình thống kê kinh doanh. - PGS.TS Trần Ngọc Phác và TS Trần Thị Kim Thu, Giáo trình lý thuyết thống kê - TS. Chu Văn Tuấn, Giáo trình thống kê doanh nghiệp, 2.Tài liệu tham khảo: - TS Hồ Sỹ Chi, Giáo trình thống kê doanh nghiệp - Học viện tài chính, Thống kê doanh nghiệp- hướng dẫn ôn tập, câu hỏi thảo luận và bài tập ứng dụng - PGS. TS Nguyễn Công Nhự, Giáo trình thống kê công nghiệp	NXB Thống kê NXB Thống kê NXB Tài chính NXB Lao động – xã hội NXB Tài chính NXB Tài chính	2013 2006 2010 2009 2007 2007
43c	Bảo hiểm	1. Tài liệu chính: - PGS.TS Nguyễn Văn Định, Giáo trình bảo hiểm. - TS. Nguyễn Văn Định, Giáo trình quản trị kinh doanh bảo hiểm 2.Tài liệu tham khảo: - GS.TSKH. Trương Mộc Lâm, Lưu Nguyên Khánh, Một số điều cần biết về pháp lý trong kinh doanh bảo hiểm - Luật gia Phan Anh, Luật bảo hiểm y tế, Luật bảo hiểm xã hội. - TS. Trần Thị Hoà Bình, TS. Trần Văn Nam, Giáo trình Luật thương mại Quốc tế	NXB ĐH KTQD NXB thống kê NXB thống kê NXB Hồng Đức NXB lao động – xã hội	2008 2004 2001 2009 2005
44a	Kinh tế đầu tư	1. Tài liệu chính: - PGS.TS Từ Quang Phương, GS.TS Phạm Văn Hùng chủ biên, Giáo trình Kinh tế đầu tư. 2.Tài liệu tham khảo: - PGS.TS Nguyễn Thị Bạch Nguyệt, Giáo trình lập dự án đầu tư - Luật đấu thầu sửa đổi bổ sung năm 2009 - Nghị định 12/2009/NĐ-CP về công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	NXB ĐH KTQD	2012

44b	Kinh tế quốc tế	1. Tài liệu chính: - Đỗ Đức Bình & Nguyễn Thường Lạng, Giáo trình Kinh tế quốc tế 2. Tài liệu tham khảo: - PGS.TS Võ Thanh Thu, Quan hệ Kinh tế quốc tế - GS.TS. Hoàng Thị Chinh, Bài tập Kinh tế quốc tế	NXB ĐH KTQD	2008
			NXB Thống kê NXB Thống kê	2008 2008
44c	Kinh tế các ngành	1. Tài liệu chính: - Giáo trình kinh tế các ngành sản xuất kinh doanh - Giáo trình: Kinh tế và quản lý công nghiệp 2. Tài liệu tham khảo: - Giáo trình Kinh tế nông nghiệp - Giáo trình Kinh tế các ngành thương mại- dịch vụ - GT Kinh tế phát triển	NXB tài chính NXB ĐH KTQD	2002 2008
			NXB ĐH KTQD NXB thống kê NXB ĐH KTQD	2008 2002 2008
47	Lập và phân tích Báo cáo tài chính	1. Tài liệu chính: - PGS.TS Nguyễn Năng Phúc , Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính, NXB Đại học kinh tế quốc dân - PGS.TS Nguyễn Văn Công, Giáo trình phân tích báo cáo tài chính, NXB giáo dục Việt Nam 2. Tài liệu tham khảo: - TS. Nguyễn Năng Phúc, Phân tích kinh tế lý thuyết và thực hành, NXB Tài chính, 2003	NXB đại học kinh tế quốc dân.	2013
			NXB Tài chính	2010
			NXB Thống kê	2009
48	Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp	1. Tài liệu chính 1. PGS TS Trương Thị Thủy, Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp	Nhà xuất bản tài chính	2007

Giáo dục thể chất	1. Tài liệu chính 1. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ, <i>Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học</i> . 2. Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i> . 3. Nguyễn Đại Dương, <i>Giáo trình Điền Kinh</i> , 4. Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn <i>Giáo trình Bóng chuyền</i> , 5. Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i> , 6. PGS.TS. Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i> , 7. Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo, <i>Giáo trình bóng rổ</i> , 8. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự “ <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i> ” tập 1. Tài liệu tham khảo 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Chạy cự ly ngắn</i> , 2. Trường Đại học TDTT TWI (2000), <i>Giáo trình Điền kinh</i> . 3. Ủy ban TDTT, <i>Luật Điền Kinh</i> , NXB TDTT.	NXB TDTT, Hà Nội NXB TDTT, HN NXB TDTT NXB ĐHSP, HN NXB TDTT NXB TDTT Hà Nội NXB TDTT Hà Nội NXB TDTT NXB Giáo dục. NXB TDTT. NXB TDTT.	2000 2009 2006 2007 2014 2007 2002 2008 1998 2000 2003
	Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i> , 2. Đinh Văn Lãm, Phạm Thế Vượng, Đàm Chính Thống (2006), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i> 3. Ủy ban TDTT (2003), <i>Luật bóng chuyền</i> Tài liệu tham khảo 1. Nguyễn Quang, <i>Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền</i> 2. Ủy ban TDTT, <i>Bóng chuyền bóng rổ</i>	NXB ĐHSP HN. NXB TDTT HN NXB TDTT HN NXB TDTT HN NXB TDTT HN NXB TDTT HN	2007 2006 2003 2001 1998
	Tài liệu bắt buộc 1. Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i> 2. Liên đoàn Thể dục quốc tế, (2013) <i>Thể dục Aerobic chu kỳ 2013-2016</i> . Tài liệu tham khảo 3. Nguyễn Xuân Sinh (2009), <i>Thể dục</i> ,	NXB TDTT NXB TDTT. NXB TDTT.	2014 2013 2009
	Tài liệu chính 1. PGS.TS. Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i> .	NXB Thể dục thể thao, Hà Nội	2007

	2. Ủy ban TDTT, <i>Luật Bóng đá 11 người, 7 người, 5 người.</i> 3. TS. Phạm Quang, <i>Giáo trình Bóng đá,</i> Tài liệu tham khảo 1. TS. Phạm Quang, Nguyễn Thiết Tình và cộng sự, <i>Huấn luyện Bóng đá trình độ A; B; C,</i> 2. Đĩa VCD) MILO, <i>Một số bài tập Bóng đá</i>	NXB ĐHSP, Hà Nội NXB TDTT HN Thư viện ĐH Hồng Đức	2004 2000 2004
Bóng rổ	Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo (2002), <i>Giáo trình bóng rổ,</i> 2. Nguyễn Tùng, <i>Giáo trình bóng rổ dành cho sinh viên Cao đẳng TDTT.</i> Tài liệu tham khảo 1. Ủy ban thể dục thể thao, <i>Luật bóng rổ.</i>	NXB TDTT HN 	2002 2003 2015
Võ Vovinam	1. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự, “ <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i> ” tập 1, tập 2 Tài liệu tham khảo 1. Nguyễn Chánh Tứ, <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i> 2. Võ sư Trương Quang An, “ <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt Võ đạo</i> (song ngữ),	NXB TDTT. NXB KIEV	2008, 2011 2014 1998

12. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình

12.1. CTĐT trong nước

- Học viện tài chính – Khoa Kế toán,
<https://www.hvtc.edu.vn/tabid/145/catid/38/id/20828/Chương-trình-đào-tạo-he-dai-hoc-chinh-quy/Default.aspx>
- Trường Đại học Kinh tế quốc dân – <https://daotao.neu.edu.vn/vi/ctdt-he-chinh-quy/tien-trinh-đào-tạo-he-chinh-quy>
- Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng, <http://due.udn.vn/vi-vn/daotao/daotaogioithieu/cid/2675>
- Trường Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh - Chương trình đào tạo ngành Kế toán doanh nghiệp:

<http://www.ueh.edu.vn/UserData/FileManagers/ToChucHanhChinh/ChuongTrinhDaoTao/DHCQ/ketoan/ketoandoanhnghiep.pdf>.

5. Trường Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh - Chương trình đào tạo ngành Kế toán công:
<http://www.ueh.edu.vn/UserData/FileManagers/ToChucHanhChinh/ChuongTrinhDaoTao/DHCQ/ketoan/ketoancong.pdf>

6. Đại học Kinh tế Huế - Chương trình đào tạo ngành Kế toán:
http://www.hce.edu.vn/?cat_id=45&id=502

12.2. CTĐT nước ngoài

1. Đại học kinh doanh Harvard – Chương trình đại học Kế toán và quản lý:
<http://www.hbs.edu/faculty/units/am/Pages/curriculum.aspx>.

2. Đại học Auburn – Chương trình đại học ngành Kế toán:
http://bulletin.auburn.edu/undergraduate/collegeofbusiness/schoolofaccountancyacct/accountancy_major/

3. Trường đại học Louisiana – Chương trình đào tạo ngành kế toán:
<https://accounting.louisiana.edu/programs/undergraduate/critical-courses>.

4. Trường đại học Fort Hays State – Chương trình đào tạo ngành kế toán doanh nghiệp:
<http://www.fhsu.edu/efa/accounting/course-curriculum/>

5. Trường Đại học Kinh tế Drury – Chương trình đào tạo ngành Kế toán:
https://www.atu.edu/jbao/spring2012/ACCOUNTING_CURRICULUM_REDESIGN.

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

13.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;

- Đào tạo liên thông, văn bằng 2: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn học phần, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

13.2. Trường các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trường bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra.

Trường các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Căn cứ thực tế hiện có và yêu cầu điều kiện về phòng thực hành, thí nghiệm, tài liệu dạy học phục vụ đào tạo, Trường phòng QT,VT-TB, Giám đốc TT TTTV xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung trình Hiệu trưởng quyết định.

13.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

13.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

13.5. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chương trình chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định phê duyệt của Hiệu trưởng./.



PGS,TS Nguyễn Mạnh An